

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Bùi Thị	Nhân	LNH006863	2	27.00	3.5	30.50
2	Bùi Thị	Ngân	LNH006492	2	26.25	3.5	29.75
3	Bùi Thị	Huệ	LNH003858	2	26.25	3.5	29.75
4	Quảng Thị	Thanh	TTB005699	1	26.25	3.5	29.75
5	Trịnh Thị	Phượng	HDT020280	2	26.00	3.5	29.50
6	Đỗ Thị	Dung	DCN001673	2	26.00	3.5	29.50
7	Phạm Bá	Đạt	HDT005374	2	26.00	3.5	29.50
8	Triệu Linh	Đan	TND004771	1	26.00	3.5	29.50
9	Phạm Thị	Nga	HDT017497	2	25.75	3.5	29.25
10	Ma Nhân Hoàng	Anh	TQU000098	2	25.75	3.5	29.25
11	Lường Văn	Đông	TTB001526	2	25.75	3.5	29.25
12	Đàm Thị	Thiệp	TND023907	2	25.50	3.5	29.00
13	Tòng Thùy	Linh	TTB003584	2	25.50	3.5	29.00
14	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005915	2	25.50	3.5	29.00
15	Bùi Thị	Nương	HDT019148	2	25.50	3.5	29.00
16	Quách Thương	Hiệp	LNH003262	2	26.50	2.5	29.00
17	Hà Thị Hương	Thảo	KQH012547	2	25.50	3.5	29.00
18	Nguyễn Hùng	Sơn	LNH007960	2	25.50	3.5	29.00
19	Hà Thị	Chang	TND002060	2	25.50	3.5	29.00
20	Hà Thị Hương	Nhi	THV009805	1	25.50	3.5	29.00
21	Bàn Thị	Vân	TND029017	1	25.50	3.5	29.00
22	Chu Thị	Oanh	TND019256	1	25.50	3.5	29.00
23	Hoàng Ngọc	ánh	TND001290	2	25.25	3.5	28.75
24	Nguyễn Thị	Nhung	LNH006991	2	25.25	3.5	28.75
25	Nguyễn Phương	Hoa	THV004749	2	27.25	1.5	28.75
26	Bùi Kim	Ngân	LNH006487	2	25.25	3.5	28.75
27	Trần Thị	Hằng	TDV009422	2	27.25	1.5	28.75
28	Quan Thị	Nga	DCN007886	2	25.25	3.5	28.75
29	Ma Thị Thu	Uyên	KQH015950	2	25.25	3.5	28.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
30	Hoàng Thị Vân	Thư	TND025171	1	25.25	3.5	28.75
31	Nguyễn Thị Vân	Anh	SPH001102	2	28.00	0.5	28.50
32	Nguyễn Ngọc	Chí	TND002333	2	25.00	3.5	28.50
33	Lò Thị	Diện	TTB001037	2	25.00	3.5	28.50
34	Võ Thị	Huyền	TDV013985	2	27.00	1.5	28.50
35	Đinh Thị Bích	Đoan	TND005248	2	25.00	3.5	28.50
36	Nguyễn Đàm Mai	Hương	TND011845	2	25.00	3.5	28.50
37	Dương Thị	Thư	TTB006434	2	27.00	1.5	28.50
38	Nguyễn Thị Thùy	Linh	DHU011359	2	27.50	1.0	28.50
39	Nguyễn Hồng	Hạnh	TTB001934	2	27.00	1.5	28.50
40	Đặng Hồng	Minh	THV008679	2	25.00	3.5	28.50
41	Nguyễn Thị Thu	Huệ	TQU002239	2	25.00	3.5	28.50
42	Nguyễn Thị Hiền	Châu	THV001226	2	27.00	1.5	28.50
43	Bùi Thị	Giang	DCN002642	1	25.00	3.5	28.50
44	Vừ A	Tủa	TTB007052	1	25.00	3.5	28.50
45	Huỳnh Thị Kim	Thúy	THV013125	2	26.75	1.5	28.25
46	Nông Thu	Trang	DCN011942	2	24.75	3.5	28.25
47	Lưu Thị	Mai	SPH010983	2	27.25	1.0	28.25
48	Lê Thị	Thế	TND023694	2	24.75	3.5	28.25
49	Quách Thanh	Thủy	LNH009237	2	24.75	3.5	28.25
50	Phan Đức	Quý	TND020712	2	24.75	3.5	28.25
51	Nông Thị	Phượng	KQH010977	2	24.75	3.5	28.25
52	Hoàng Thị Ngọc	Anh	THV000202	2	24.75	3.5	28.25
53	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	TND006904	1	24.75	3.5	28.25
54	Hoàng Thị Thu	Hương	TND011773	1	24.75	3.5	28.25
55	Nguyễn Thị	Linh	DCN006410	1	24.75	3.5	28.25
56	Trịnh Thị Kim	Anh	KHA000716	1	26.25	2.0	28.25
57	Trần Thị Như	Quyên	TTB005117	3	26.50	1.5	28.00
58	Ma Thị Tuyết	Nhung	DCN008405	2	24.50	3.5	28.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
59	Lê Thị Cẩm	Vân	TDV035760	2	26.00	2.0	28.00
60	Nguyễn Thị	Tâm	DCN009847	2	24.50	3.5	28.00
61	Đinh Phương	Thảo	TTB005848	2	26.50	1.5	28.00
62	Trần Thị Lan	Anh	TND001099	2	26.50	1.5	28.00
63	Hoàng Lệ Khánh	Linh	THV007389	2	24.50	3.5	28.00
64	Hoàng Thị Trà	My	TND016796	2	24.50	3.5	28.00
65	Bùi Thị Như	ý	DHU027524	2	27.50	0.5	28.00
66	Lê Thị Thúy	Huệ	TQU002229	2	26.50	1.5	28.00
67	Nguyễn Thị Hương	Ly	THV008295	2	26.50	1.5	28.00
68	Hoàng Châu	Bình	TQU000365	2	26.50	1.5	28.00
69	Đoàn Thị Thùy	Linh	TND014118	2	26.50	1.5	28.00
70	Nguyễn Thị Thùy	Dương	TTB001363	2	26.50	1.5	28.00
71	Nguyễn Thu	Hà	TQU001432	2	24.50	3.5	28.00
72	Trịnh Thị	Linh	TTB003597	2	26.50	1.5	28.00
73	Đàm Thị	Nhung	TND018794	2	24.50	3.5	28.00
74	Lương Thị	Bền	TDV002344	2	24.50	3.5	28.00
75	Bùi Thị	Phượng	LNH007269	2	24.50	3.5	28.00
76	Hoàng Thị	Phượng	TQU004408	2	24.50	3.5	28.00
77	Và A	Tủa	TTB007056	1	24.50	3.5	28.00
78	Vừ A	Dia	TTB001020	1	24.50	3.5	28.00
79	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	TND003761	1	24.50	3.5	28.00
80	Lý Thị Thanh	Huế	TND010084	1	24.50	3.5	28.00
81	Cà Thị	Quyên	TTB005107	1	24.50	3.5	28.00
82	Cà Văn	Chung	TTB000727	1	24.50	3.5	28.00
83	Hoàng Như	Quỳnh	THV011063	2	24.25	3.5	27.75
84	Hoàng Thị	Trang	HDT026389	2	24.25	3.5	27.75
85	Lự Thị	Thúy	THV013127	2	24.25	3.5	27.75
86	Vương Hồng	Huyền	THP006755	2	26.75	1.0	27.75
87	Giang Thị Hải	Lý	TND015796	2	27.25	0.5	27.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
88	Đàm Văn	Thực	TND025270	2	24.25	3.5	27.75
89	Nguyễn Lê Thu	Hà	LNH002503	2	24.25	3.5	27.75
90	Nguyễn Ngọc	Duyên	THP002592	2	26.75	1.0	27.75
91	Nguyễn Thị	Hồng	TND009833	2	26.25	1.5	27.75
92	Triệu Thị	Lấy	TND013609	2	24.25	3.5	27.75
93	Hoàng Thị	Hà	DCN002833	2	24.25	3.5	27.75
94	Hoàng Thị	Thanh	HDT022547	2	26.25	1.5	27.75
95	Lý Thị	An	TND000038	2	24.25	3.5	27.75
96	Vũ Thị Huyền	Trang	TQU005926	2	26.25	1.5	27.75
97	Doãn Thị	Hồng	HDT010018	2	26.25	1.5	27.75
98	Lò Văn	Duyện	HDT004727	2	24.25	3.5	27.75
99	Đào Thị	Thúy	SPH016697	2	26.25	1.5	27.75
100	Lục Thị Kiều	Trang	TQU005803	2	24.25	3.5	27.75
101	Nguyễn Thị Hương	Giang	THV003305	2	26.25	1.5	27.75
102	Bùi Thị	Thủy	LNH009166	1	24.25	3.5	27.75
103	Lương Thị	Hiếu	DCN003882	1	24.25	3.5	27.75
104	Nguyễn Khánh	Linh	THV007536	1	26.25	1.5	27.75
105	Hà Thị Thu	Đẹp	TND005102	1	24.25	3.5	27.75
106	Đinh Thị	Thảo	TND022868	1	24.25	3.5	27.75
107	Phạm Thu	Phương	HDT020052	2	24.00	3.5	27.50
108	Nguyễn Thị	Thúy	THP014491	2	26.50	1.0	27.50
109	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029683	2	26.00	1.5	27.50
110	Hà Thu	Hằng	TTB002005	2	24.00	3.5	27.50
111	Trần Thị Như	Quỳnh	TTB005235	2	26.00	1.5	27.50
112	Linh Thị Mai	Anh	TND000507	2	24.00	3.5	27.50
113	Lê Quốc	Hào	TDV008777	2	26.00	1.5	27.50
114	Lường Thị	Hằng	TTB002030	2	24.00	3.5	27.50
115	Đỗ Minh	Ngọc	THV009413	2	27.00	0.5	27.50
116	Nguyễn Thị	Phương	YTB017324	2	26.50	1.0	27.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
117	Vi Thị	Vân	TND029204	2	24.00	3.5	27.50
118	Lê Thị	Duyên	THP002581	2	27.00	0.5	27.50
119	Nguyễn Thị	Huế	TDV012434	2	26.00	1.5	27.50
120	Nguyễn Thị	Hồng	TTN007044	2	26.00	1.5	27.50
121	Lê Thị Kim	Ngọc	TTB004371	2	26.00	1.5	27.50
122	Hà Thị Ngọc	Linh	THV007366	2	24.00	3.5	27.50
123	Nguyễn Thị Minh	Hân	TQU001669	2	26.00	1.5	27.50
124	Cao Thị Hồng	Phượng	TDV024229	2	24.00	3.5	27.50
125	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013732	2	27.00	0.5	27.50
126	Mã Thanh	Lâm	TND013503	2	24.00	3.5	27.50
127	Hà Thị Bích	Thảo	TQU005042	2	24.00	3.5	27.50
128	Lê Phương	Anh	HDT000573	2	26.00	1.5	27.50
129	Nguyễn Thị Thùy	Vân	SPH019288	2	27.00	0.5	27.50
130	Lý Thái	Bảo	TND001546	2	24.00	3.5	27.50
131	Nguyễn Thị Thu	Phượng	SPH013790	2	26.00	1.5	27.50
132	Chu Thị	Duyên	TND004274	1	24.00	3.5	27.50
133	Nông Thị	Loan	TND015028	1	24.00	3.5	27.50
134	Nông Thị	Đào	TND004806	1	24.00	3.5	27.50
135	Vy Mỹ	Linh	TND014890	1	24.00	3.5	27.50
136	Hoàng Thị	Chiên	TQU000475	1	24.00	3.5	27.50
137	Bế Thị	Hường	TND012099	1	24.00	3.5	27.50
138	Hoàng Thùy	Dung	TND003697	1	24.00	3.5	27.50
139	Trần Thị	Thủy	YTB021441	1	26.50	1.0	27.50
140	Đoàn Văn	Tiếp	TQU005653	1	26.00	1.5	27.50
141	Nguyễn Thị Thu	An	TND000058	1	24.00	3.5	27.50
142	Quan Thủy	Ngân	TQU003830	1	24.00	3.5	27.50
143	Nông Thị	Quyên	TND020825	1	24.00	3.5	27.50
144	Hà Thị	Luyến	TQU003406	1	24.00	3.5	27.50
145	Lê Thị Minh	Thảo	TQU005062	2	25.75	1.5	27.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
146	La Thị	Dung	THV002048	2	23.75	3.5	27.25
147	Mã Thị	Thanh	SPH015271	2	23.75	3.5	27.25
148	Vũ Thị Mai	Sao	THV011268	2	25.75	1.5	27.25
149	Dương Thị Thục	Chinh	TND002475	2	23.75	3.5	27.25
150	Hà Thị	Hằng	KQH004209	2	23.75	3.5	27.25
151	Đào Thị Tú	Linh	THV007314	2	25.75	1.5	27.25
152	Nguyễn Ngọc	ánh	SPH001786	2	26.75	0.5	27.25
153	Kim Thảo	Linh	TQU003121	2	23.75	3.5	27.25
154	Nguyễn Văn	Dương	TDV005627	2	26.25	1.0	27.25
155	Lê Thị	Hương	HDT012158	2	26.25	1.0	27.25
156	Nông Văn	Quân	TQU004497	2	23.75	3.5	27.25
157	Nguyễn Thị	Anh	TND000706	2	25.75	1.5	27.25
158	Bùi Thị Hải	Linh	TDV016205	2	26.75	0.5	27.25
159	Nguyễn Thị	Hậu	SPH005805	2	26.75	0.5	27.25
160	Đỗ Thị Thái	Hà	HDT006565	2	26.25	1.0	27.25
161	Phạm Thị Kiều	Linh	TQU003235	2	25.75	1.5	27.25
162	Trần Phương	Anh	TTB000267	2	25.75	1.5	27.25
163	Nguyễn Thị	Huyền	TDV013542	2	25.75	1.5	27.25
164	Đặng Thị	Nga	TDV020349	2	25.75	1.5	27.25
165	Đinh Thị	Chinh	HDT002715	2	23.75	3.5	27.25
166	Phạm Thu	Hảo	THP004409	2	26.75	0.5	27.25
167	Nguyễn Tấn	Hòa	TQU001965	2	23.75	3.5	27.25
168	Lê Thị Huệ	Duyên	HDT004620	2	25.75	1.5	27.25
169	Ma Thị Thu	Hoài	TQU001996	2	23.75	3.5	27.25
170	Lù Thị	Tâm	DCN009835	2	23.75	3.5	27.25
171	Hoàng Hồng	Ngọc	THV009455	2	23.75	3.5	27.25
172	Nông Thị	Son	TND021467	2	23.75	3.5	27.25
173	Lã Thị	Linh	YTB012556	2	25.75	1.5	27.25
174	Cao Thị Thu	Hoài	TND009065	1	25.75	1.5	27.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
175	Vũ Thị Ngọc	ánh	TND001460	1	23.75	3.5	27.25
176	Nguyễn Thùy	Linh	DHU011394	1	25.75	1.5	27.25
177	Trần Thị	Luyến	TND015426	1	25.75	1.5	27.25
178	Nguyễn Thị Hà	Thương	HDT025520	1	26.75	0.5	27.25
179	Nguyễn Phương	Trang	THP015142	1	26.25	1.0	27.25
180	Đàm Thị	Thảo	KQH012532	1	23.75	3.5	27.25
181	Lý Thị Bích	Nguyệt	TND018376	1	23.75	3.5	27.25
182	Ngô Duy Hồng	Quân	LNH007568	1	25.75	1.5	27.25
183	Nông Thị	Xâm	TND029728	1	23.75	3.5	27.25
184	Nguyễn Kim	Chi	THV001265	1	25.75	1.5	27.25
185	Nguyễn Thị Thanh	Mai	KQH008813	1	23.75	3.5	27.25
186	Hoàng Thu	Hoàn	TND009280	1	23.75	3.5	27.25
187	Nguyễn Duy	Tuấn	KQH015443	1	25.75	1.5	27.25
188	Hoàng Phương	Anh	SPH000401	1	26.75	0.5	27.25
189	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	TDV007883	1	25.75	1.5	27.25
190	Hồ Văn	Trai	DHU024012	1	23.75	3.5	27.25
191	Lò Thị	Quy	TND020656	1	23.75	3.5	27.25
192	Lục Thu	Hồng	TND009756	1	23.75	3.5	27.25
193	Nguyễn Thị	Lan	TND013328	1	25.75	1.5	27.25
194	Nông Thu	Hồng	TND009851	1	23.75	3.5	27.25
195	Chờ Thị	Huyền	TND010935	1	23.75	3.5	27.25
196	Phùng Thị Kiều	Trinh	HDT027446	1	25.75	1.5	27.25
197	Nguyễn Thị	Quỳnh	DHU019103	1	24.75	2.5	27.25
198	Nguyễn Thị Vân	Anh	HDT001193	2	26.00	1.0	27.00
199	Đoàn Thị Phương	Trinh	TND026914	2	23.50	3.5	27.00
200	Đặng Hiền	Thương	TND025302	2	25.50	1.5	27.00
201	Bùi Thị Trà	My	TTB004084	2	25.50	1.5	27.00
202	Hoàng Thị	Ly	HDT015740	2	25.50	1.5	27.00
203	Nguyễn Hải	Lê	HDT013473	2	26.00	1.0	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
204	Đỗ Thị	Thoa	HDT024146	2	25.50	1.5	27.00
205	Phạm Thị Linh	Trang	HDT027041	2	25.50	1.5	27.00
206	Ma Thị	ánh	TQU000275	2	23.50	3.5	27.00
207	Phạm Mai	Trang	TND026654	2	25.50	1.5	27.00
208	Trần Diệu	Linh	TTB003588	2	25.50	1.5	27.00
209	Phạm Thị	Hằng	HDT008053	2	26.00	1.0	27.00
210	Cà Thị	út	TTB007347	2	23.50	3.5	27.00
211	Đinh Thùy	Linh	LNH005244	2	25.50	1.5	27.00
212	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	THP009233	2	26.50	0.5	27.00
213	Lương Thị	Vân	TND029086	2	23.50	3.5	27.00
214	Đặng Thị	Tâm	TDV026932	2	25.50	1.5	27.00
215	Nông Phương	Thảo	TND023241	2	23.50	3.5	27.00
216	Nguyễn Đức	Thành	TQU004993	2	23.50	3.5	27.00
217	Ngô Hồng	Hạnh	TND006956	2	23.50	3.5	27.00
218	Phạm Thị	Nga	THP010025	2	26.00	1.0	27.00
219	Đặng Thị	Hiền	TTB002121	2	25.50	1.5	27.00
220	Lò Đức	Giang	TTB001642	2	23.50	3.5	27.00
221	Vương Thị Tuyết	Trinh	KQH014933	2	26.50	0.5	27.00
222	Bùi Thị Thương	Huyền	YTB009828	2	26.50	0.5	27.00
223	Trịnh Thị	Châm	TND002122	2	23.50	3.5	27.00
224	Lê Sỹ	Cường	HDT003300	2	26.00	1.0	27.00
225	Vũ Thị	Thành	BJA011812	2	26.00	1.0	27.00
226	Nguyễn Ngọc	Lan	DCN005913	2	25.50	1.5	27.00
227	Đặng Thủy	Vân	THV015105	2	23.50	3.5	27.00
228	Chầu Thị	Đẹp	KQH002942	2	23.50	3.5	27.00
229	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	HDT004666	2	25.50	1.5	27.00
230	Hoàng Thị Thuỷ	Tiên	HDT025655	2	24.50	2.5	27.00
231	Nông Thị Thu	Hoài	TND009059	2	23.50	3.5	27.00
232	Nguyễn Thị Thuỷ	Linh	THP008419	2	26.00	1.0	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
233	Lương Văn	Qui	THV010880	2	23.50	3.5	27.00
234	Lô Thị ánh	Minh	TDV019267	2	23.50	3.5	27.00
235	Đặng Thị	Liêm	KQH007587	2	23.50	3.5	27.00
236	Triệu Văn	Tuyển	TND028499	2	23.50	3.5	27.00
237	Đỗ Thị	Uyên	KQH015939	2	26.50	0.5	27.00
238	Triệu Thị	Mây	TND016355	2	23.50	3.5	27.00
239	Hoàng Thị	Sa	THV011215	2	25.50	1.5	27.00
240	Hoàng Thu	Hương	TND011776	1	23.50	3.5	27.00
241	Lục Thị	Nhinh	TND018730	1	23.50	3.5	27.00
242	Nguyễn Thị	Sang	THP012488	1	26.50	0.5	27.00
243	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	TND007570	1	23.50	3.5	27.00
244	Trần Thu	Ngân	THV009292	1	25.50	1.5	27.00
245	Nguyễn Thúy	Hằng	THP004564	1	26.50	0.5	27.00
246	Châu Thị	Ninh	TQU004156	1	23.50	3.5	27.00
247	Trần Thị Huyền	Trang	TQU005909	1	25.50	1.5	27.00
248	Dương Thị Lan	Anh	TND000157	1	25.50	1.5	27.00
249	Trần Thị	Hằng	TQU001659	1	24.50	2.5	27.00
250	Lương Thị Phương	Thảo	THP013325	1	26.50	0.5	27.00
251	Nguyễn Thị	Hằng	TTB002038	1	25.50	1.5	27.00
252	Hà Thị Kim	Trang	LNH009705	1	23.50	3.5	27.00
253	Hà Thị	Xuyến	TTB007651	1	23.50	3.5	27.00
254	Giàng Thị	Pằng	KQH010601	1	23.50	3.5	27.00
255	Giàng A	Nù	TTB004657	1	23.50	3.5	27.00
256	Nguyễn Thị Hồng	Lê	THV007092	1	25.50	1.5	27.00
257	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	TTB003869	1	25.50	1.5	27.00
258	Hoàng Thị	Hằng	TND007295	1	23.50	3.5	27.00
259	Lò Thị	Thanh	TTB005671	1	23.50	3.5	27.00
260	Giàng A	Lào	TTB003340	1	23.50	3.5	27.00
261	Bùi Thị Thu	Hà	TND006094	1	25.50	1.5	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
262	Trần Thị	Oanh	TDV023128	1	25.50	1.5	27.00
263	Lang Thị	Trang	DCN011718	1	23.50	3.5	27.00
264	Nguyễn Thị Thu	Hiền	TTB002147	1	25.50	1.5	27.00
265	Hà Thị	Phượng	LNH007300	1	23.50	3.5	27.00
266	Bùi Thị Lan	Anh	LNH000072	1	23.50	3.5	27.00
267	Lường Thị	Hải	TTB001865	1	23.50	3.5	27.00
268	Chu Ngọc	Diệp	TND003446	1	23.50	3.5	27.00
269	Vì Thị Thúy	An	TTB000032	1	23.50	3.5	27.00
270	Đậu Thị	Sương	TDV026500	3	25.75	1.0	26.75
271	Nguyễn Thị Thùy	Dung	TQU000854	2	25.25	1.5	26.75
272	Triệu Thị Thanh	Viễn	DCN013068	2	23.25	3.5	26.75
273	Nguyễn Hải	Yến	TDV036957	2	25.25	1.5	26.75
274	Lê Thị	Phượng	HDT020198	2	25.75	1.0	26.75
275	Đào Thị Vân	Anh	TDV000349	2	26.25	0.5	26.75
276	Lèng Thị	Như	TQU004142	2	23.25	3.5	26.75
277	Bùi Thị Băng	Trình	LNH009970	2	23.25	3.5	26.75
278	Đào Anh	Dũng	THV002162	2	25.25	1.5	26.75
279	Vũ Thuỷ	Tiên	THV013361	2	25.25	1.5	26.75
280	Phạm Thị	Thảo	YTB019918	2	26.25	0.5	26.75
281	Triệu Diễm	Quỳnh	THV011180	2	23.25	3.5	26.75
282	Bùi Thị Thúy	Hiền	THV004244	2	25.25	1.5	26.75
283	Chu Thị	Thảo	TTB005838	2	23.25	3.5	26.75
284	Bùi Thị	Thủy	TDV030302	2	25.75	1.0	26.75
285	Lao Thị Hồng	Hoài	TND009109	2	23.25	3.5	26.75
286	Lao Thị Ngọc	ánh	TND001317	2	23.25	3.5	26.75
287	Dương Thị Thu	Hương	TND011695	2	23.25	3.5	26.75
288	Bùi Thị	Hà	LNH002420	2	23.25	3.5	26.75
289	Tống Thị	Mai	HDT016152	2	25.25	1.5	26.75
290	Nguyễn Thu	Thảo	LNH008590	2	25.25	1.5	26.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

Trang 11

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
291	Hoàng Thị	Mai	TQU003506	2	23.25	3.5	26.75
292	Hà Ngọc	Huyền	HDT011301	2	23.25	3.5	26.75
293	Phan Thị Thanh	Hải	TDV008370	2	25.25	1.5	26.75
294	Trương Thị Hồng	Vân	TDV035937	2	25.25	1.5	26.75
295	Nguyễn Thị	Gái	TDV007083	2	25.25	1.5	26.75
296	Trương Hải	Yến	TND030159	2	23.25	3.5	26.75
297	Lê Thị Hoài	Thơ	DHU022300	2	25.25	1.5	26.75
298	Lê Thị	Nhung	HDT018777	2	26.25	0.5	26.75
299	Phạm Việt	Trình	THP015567	2	26.25	0.5	26.75
300	Lê Thị Kim	Anh	HDT000628	2	25.25	1.5	26.75
301	Nguyễn Như	Quỳnh	TND021137	1	25.25	1.5	26.75
302	Nông Thị	Hạnh	SPH005412	1	24.75	2.0	26.75
303	Lê Linh	Chi	SPH002364	1	26.25	0.5	26.75
304	Nguyễn Thị Lệ	Thu	SPH016347	1	26.25	0.5	26.75
305	Lăng Thị	Hoài	TND009110	1	23.25	3.5	26.75
306	Nguyễn Thị	Nga	HDT017467	1	25.75	1.0	26.75
307	Hồ Thị	ánh	TDV001687	1	25.25	1.5	26.75
308	Nguyễn Quỳnh	Lâm	SPH009178	1	25.75	1.0	26.75
309	Nguyễn Văn	Mạnh	SPH011175	1	26.25	0.5	26.75
310	Đào Thị	Hương	HDT011993	1	25.75	1.0	26.75
311	Bàn Thị	Tuyền	TQU006280	1	23.25	3.5	26.75
312	Bùi Thị	Liên	LNH005108	1	23.25	3.5	26.75
313	Nguyễn Thành	Trung	TND027181	1	23.25	3.5	26.75
314	Nguyễn Bá	Ngọc	THP010357	1	24.25	2.5	26.75
315	Nông Thị Xuân	Hòa	TQU001968	1	23.25	3.5	26.75
316	Ngô Thị	Hạnh	TND006962	1	25.75	1.0	26.75
317	Đàm Thị Huyền	Trân	TND026852	1	23.25	3.5	26.75
318	Bùi Chính	Nghĩa	LNH006547	1	23.25	3.5	26.75
319	Phan Thị Phương	Thảo	TDV028344	1	25.75	1.0	26.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

Trang 12

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
320	Hà ánh	Ngọc	THV009444	1	23.25	3.5	26.75
321	Nguyễn Khánh	Linh	YTB012675	1	25.25	1.5	26.75
322	Nguyễn Việt	Hà	THP003899	1	26.25	0.5	26.75
323	Nguyễn Thị	Vân	TDV035875	1	25.25	1.5	26.75
324	Phùng Thị	Quyên	TND020831	1	23.25	3.5	26.75
325	Nguyễn Thu	Trang	TQU005861	1	25.25	1.5	26.75
326	Nguyễn Thu	Trang	KQH014676	1	26.25	0.5	26.75
327	Phạm Hồng	Sơn	HDT021848	1	25.25	1.5	26.75
328	Nguyễn Đình	Cảnh	HDT002326	1	25.75	1.0	26.75
329	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013721	1	26.25	0.5	26.75
330	Màng Thị	Nhọn	TTB004558	1	23.25	3.5	26.75
331	Trần Uyên	Chi	TDV003028	2	25.00	1.5	26.50
332	Phà Thó	Xa	THV015435	2	23.00	3.5	26.50
333	Đỗ Thùy	Trang	HHA014438	2	26.00	0.5	26.50
334	Lò Thị	Mừng	TTB004079	2	23.00	3.5	26.50
335	Bùi Thị Thúy	Quỳnh	TQU004582	2	25.00	1.5	26.50
336	Hoàng Thị Đình	Mỹ	HDT016855	2	25.00	1.5	26.50
337	Đậu Thị Hà	Thu	HDT024340	2	25.50	1.0	26.50
338	Nguyễn Văn	Tân	THV011742	2	25.00	1.5	26.50
339	Nguyễn Thị Minh	Thư	TLA013516	2	26.00	0.5	26.50
340	Nguyễn Thị Hằng	Nga	TDV020447	2	25.00	1.5	26.50
341	Lý Thị Thu	Huyền	TND011142	2	23.00	3.5	26.50
342	Phan Thị Thùy	Trang	TDV032871	2	25.00	1.5	26.50
343	Trần Thị Thuỳ	Dương	THP002832	2	26.00	0.5	26.50
344	Tô Thị Thu	Hà	TND006459	2	23.00	3.5	26.50
345	Lê Đình	Đạt	HDT005241	2	23.00	3.5	26.50
346	Lò Thị	Tiêm	TTB006534	2	23.00	3.5	26.50
347	Quảng Văn	Dũng	TTB001248	2	23.00	3.5	26.50
348	Nguyễn Thị Hương	Giang	THV003309	2	25.00	1.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)
Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
349	Đặng Thị	Bảy	THV000922	2	23.00	3.5	26.50
350	Lương Thị	Thảo	THV012200	2	23.00	3.5	26.50
351	Lương Thị Lệ	Thu	THV012815	2	23.00	3.5	26.50
352	Đinh Thị	Ngân	DCN007924	2	23.00	3.5	26.50
353	Lê Thị	Hằng	HDT007837	2	25.50	1.0	26.50
354	Lường Văn	Khiêm	LNH004811	2	23.00	3.5	26.50
355	Lê Thị Bích	Thảo	DCN010221	2	26.00	0.5	26.50
356	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	TND018396	2	23.00	3.5	26.50
357	Vũ Thị Thanh	Xuân	KQH016470	2	25.50	1.0	26.50
358	Nguyễn Thị	Thảo	TDV028260	2	25.00	1.5	26.50
359	Nguyễn Thu	Thoàn	TQU005304	2	23.00	3.5	26.50
360	Bùi Thị Thanh	Tú	TDV034185	2	25.50	1.0	26.50
361	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	HDT018040	2	25.00	1.5	26.50
362	Sầm Thị	Tuyền	TND028496	2	23.00	3.5	26.50
363	Đàm Thị	Trang	TND026077	2	23.00	3.5	26.50
364	Đinh Kiều	Oanh	TTB004677	2	23.00	3.5	26.50
365	Đường Thu	Quyên	TND020757	2	23.00	3.5	26.50
366	Vàng Thị	Cúc	THV001679	2	23.00	3.5	26.50
367	Nguyễn Thị Yến	Nhi	TDV022187	2	26.00	0.5	26.50
368	Hoàng Thị	Loan	TDV017523	2	25.50	1.0	26.50
369	Đỗ Mai	Hương	THP006938	2	26.00	0.5	26.50
370	Nguyễn Thị	Thanh	KQH012316	2	26.00	0.5	26.50
371	Lê Thị	Dung	HDT003866	2	25.50	1.0	26.50
372	Lại Thị	Minh	DCN007378	2	25.50	1.0	26.50
373	Hoàng Thu	Trang	TQU005797	2	23.00	3.5	26.50
374	Trịnh Thị Như	Quỳnh	HDT021335	2	23.00	3.5	26.50
375	Vũ Thùy	Linh	YTB013205	2	24.50	2.0	26.50
376	Phạm Thị	Giang	HDT006412	2	25.50	1.0	26.50
377	Lý Thị	Ghền	TND005756	1	23.00	3.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

Trang 14

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
378	Phan Mỹ	Hạnh	TQU001564	1	25.00	1.5	26.50
379	Nguyễn Thị Hà	Trang	LNH009779	1	23.00	3.5	26.50
380	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	HVN000521	1	25.50	1.0	26.50
381	Phạm Thị	Hương	THP007127	1	26.00	0.5	26.50
382	Trần Thị Phương	Hoa	LNH003464	1	25.00	1.5	26.50
383	Nguyễn Thị Thùy	Linh	LNH005414	1	25.00	1.5	26.50
384	Hàn Thị Ngọc	Mai	KQH008728	1	23.00	3.5	26.50
385	Sáng Thị	Chính	TQU000537	1	23.00	3.5	26.50
386	Sùng Thị	Dợ	TQU000804	1	23.00	3.5	26.50
387	Nguyễn Thị Thu	Ngoan	TND017827	1	25.00	1.5	26.50
388	Giàng Thị	Giông	TTB001689	1	23.00	3.5	26.50
389	Nguyễn Thị Thu	Thúy	TND025029	1	26.00	0.5	26.50
390	Nguyễn Thị Hà	Trang	HHA014603	1	23.00	3.5	26.50
391	Trần Thị Hà	Tiên	TTB006546	1	23.00	3.5	26.50
392	Triệu Thị Kim	Dung	SPH003113	1	25.00	1.5	26.50
393	Đặng Thị	Múi	TND016742	1	23.00	3.5	26.50
394	Mạc Quỳnh	Anh	THP000387	1	26.00	0.5	26.50
395	Trần Ngọc	Mai	TND016088	1	23.00	3.5	26.50
396	Doãn Thị Thu	Hường	KQH006833	1	26.00	0.5	26.50
397	Vũ Lê	Hà	LNH002602	1	25.00	1.5	26.50
398	Pờ Mé	Nu	TTB004653	1	23.00	3.5	26.50
399	Đàm Thị	Kiểu	TND013050	1	23.00	3.5	26.50
400	Nguyễn Thị	Hương	THV006207	1	23.00	3.5	26.50
401	Lương Thảo	Phương	TND019873	1	23.00	3.5	26.50
402	Nguyễn Minh	Huyền	LNH004226	1	25.00	1.5	26.50
403	Hoàng Thị Xuân	Quỳnh	SPH014470	1	26.00	0.5	26.50
404	Nguyễn Thị	Thuận	TND024540	1	25.00	1.5	26.50
405	Hoàng ánh	Nguyệt	TND018349	1	23.00	3.5	26.50
406	Lường Thị	Thanh	TTB005681	1	23.00	3.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

Trang 15

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
407	Ngô Thị Kim	Oanh	HDT019240	1	25.50	1.0	26.50
408	Lã Văn	Bằng	DCN000946	1	25.50	1.0	26.50
409	Nông Thị	Hằng	TND007466	1	23.00	3.5	26.50
410	Âu Thị	Sen	TQU004680	1	23.00	3.5	26.50
411	Trần Thị	Hằng	HHA004440	1	23.00	3.5	26.50
412	Trần Thị Thanh	Huyền	TDV013953	1	25.00	1.5	26.50
413	Hoàng Thị	Lành	TND013442	1	23.00	3.5	26.50
414	Lê Phương	Hiền	HVN003374	1	24.00	2.5	26.50
415	Lý A	Chớ	TTB000675	1	23.00	3.5	26.50
416	Hoàng Minh	Thành	DHU020770	1	25.00	1.5	26.50
417	Phạm Tân	Trang	TTB006818	1	25.00	1.5	26.50
418	Nguyễn Diệu	Linh	SPH009704	1	25.50	1.0	26.50
419	Triệu Thị	Hằng	TND007506	1	23.00	3.5	26.50
420	Lò Trung	Thành	TTB005740	1	23.00	3.5	26.50
421	Nguyễn Nhật	Linh	SPH009836	1	26.00	0.5	26.50
422	Đàm Thị Mỹ	Linh	KQH007744	1	23.00	3.5	26.50
423	Hà Thị	Bình	LNH000821	1	23.00	3.5	26.50
424	Lò Thị Tố	Uyên	TTB007359	1	23.00	3.5	26.50
425	Đào Thị	Yến	TND029935	1	25.00	1.5	26.50
426	Dương Hồng	Sơn	TND021498	1	25.00	1.5	26.50
427	Thào A	Pó	TTB004987	1	23.00	3.5	26.50
428	Nông Thị Vân	Hoa	TND008828	1	23.00	3.5	26.50
429	Tạ Minh	Loan	THV007904	1	25.00	1.5	26.50
430	Lò Thị	Hà	THV003489	1	23.00	3.5	26.50
431	Phạm Thị	Loan	YTB013323	3	25.25	1.0	26.25
432	Lã Thị	Thanh	TQU004948	2	24.75	1.5	26.25
433	Lê Thúy	Nga	DHU013914	2	25.75	0.5	26.25
434	Lê Thị Hồng	Ngát	YTB015320	2	25.25	1.0	26.25
435	Hồ Thị	Mỹ	TDV019662	2	24.75	1.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
436	Lò Thị	Dung	THV002060	2	22.75	3.5	26.25
437	Hoàng Thị Lan	Anh	TND000369	2	24.75	1.5	26.25
438	Lê Thị Thanh	Huyền	KQH006144	2	25.75	0.5	26.25
439	Nguyễn Thị Thiên	Hương	TDV014439	2	25.25	1.0	26.25
440	Lương ý	Dung	KQH002046	2	22.75	3.5	26.25
441	Nguyễn Thị	Huyền	HDT011476	2	25.25	1.0	26.25
442	Vương Thị Linh	Chi	HDT002573	2	24.75	1.5	26.25
443	Lý Thị Tuyết	Nhung	THV009898	2	22.75	3.5	26.25
444	Phạm Văn	Thảo	TND023293	2	24.75	1.5	26.25
445	Đặng Thị Thanh	Hà	TND006161	2	22.75	3.5	26.25
446	Lại Thị Bình	Huế	DHU007894	2	25.75	0.5	26.25
447	Nguyễn Thị	Lành	TDV015733	2	24.75	1.5	26.25
448	Vì Thị	Thuyết	THV013199	2	22.75	3.5	26.25
449	Hoàng Thị	Hồng	TLA005694	2	25.75	0.5	26.25
450	Nhữ Thị Ngọc	ánh	TLA001473	2	25.75	0.5	26.25
451	Nguyễn Thị	Định	BKA003042	2	23.25	3.0	26.25
452	Hoàng Thị Thùy	Linh	THV007420	2	24.75	1.5	26.25
453	Vũ Phương	Hoa	TQU001940	2	22.75	3.5	26.25
454	Hà Đình	Công	THV001592	2	22.75	3.5	26.25
455	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	YTB016406	2	25.25	1.0	26.25
456	Hoàng Thị	Duyên	TND004302	2	22.75	3.5	26.25
457	Vũ Thị Bích	Châm	THP001451	2	25.75	0.5	26.25
458	Lương Thị	Bình	HDT002193	2	22.75	3.5	26.25
459	Đỗ Thị Thảo	Anh	YTB000268	2	25.75	0.5	26.25
460	Đình Hoàng	Mai	HDT015943	2	24.75	1.5	26.25
461	Đình Thị	Hường	LNH004614	2	22.75	3.5	26.25
462	Nguyễn Nhật	Lệ	TND013711	2	24.75	1.5	26.25
463	Nguyễn Thị Mai	Hương	TDV014432	2	25.75	0.5	26.25
464	Đỗ Thuý	Duyên	TQU000975	2	22.75	3.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
465	Nguyễn Văn	Thiên	THP013793	2	25.25	1.0	26.25
466	Phan Thị	Thương	TDV031159	2	24.75	1.5	26.25
467	Đinh Thị Trang	Nhung	TDV022297	2	25.75	0.5	26.25
468	Vũ Thị	Hiền	THV004397	2	22.75	3.5	26.25
469	Lê Thị	Thúy	HHA013877	2	25.75	0.5	26.25
470	Hoàng Thị	Lực	KQH008501	2	22.75	3.5	26.25
471	Lê Thị	Hiền	TDV009806	2	24.75	1.5	26.25
472	Nguyễn Thị	Hồng	TND009799	2	24.75	1.5	26.25
473	Nguyễn Thị	Hằng	TDV009221	2	24.75	1.5	26.25
474	Lê Thị Khánh	Ly	TDV018286	2	25.75	0.5	26.25
475	Lê Thị Bình	Tiên	TDV031309	2	24.75	1.5	26.25
476	Lù Thị	Trang	THV013768	2	22.75	3.5	26.25
477	Đông Mai	Phượng	TND019770	2	22.75	3.5	26.25
478	Hoàng Thị Mai	Liều	TND013933	2	22.75	3.5	26.25
479	Nguyễn Anh	Thư	TDV030836	2	25.25	1.0	26.25
480	Nguyễn Thị	Tình	HHA014236	2	25.25	1.0	26.25
481	Trần Thị Phương	Anh	HHA000947	2	24.75	1.5	26.25
482	Lê Thị	Hà	HDT006658	2	25.25	1.0	26.25
483	Đỗ Thị	Hoa	THV004702	2	24.75	1.5	26.25
484	Trần Thị	Hạnh	TDV008707	2	24.75	1.5	26.25
485	Phạm Thị Thu	Thủy	DCN011084	1	25.75	0.5	26.25
486	Tô Thúy	Hằng	TLA004679	1	26.25		26.25
487	Nguyễn Thị Thanh	Hải	TND006710	1	24.75	1.5	26.25
488	Phạm Thị	Hạnh	HDT007593	1	24.75	1.5	26.25
489	Nguyễn Văn	Tùng	TLA015205	1	26.25		26.25
490	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	TND002165	1	25.75	0.5	26.25
491	Dương Thị Bích	Phượng	THV010603	1	24.75	1.5	26.25
492	Lê Thị Hồng	Vân	HDT029506	1	25.75	0.5	26.25
493	Dương Thị Hồng	Nhung	SPH013023	1	25.75	0.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
494	Trương Thị ánh	Tuyết	HDT029143	1	22.75	3.5	26.25
495	Nông Thị	Nguyệt	TQU004013	1	22.75	3.5	26.25
496	Cao Thị	Giang	SPH004446	1	25.75	0.5	26.25
497	Nguyễn Ngân	Hồng	TQU002144	1	22.75	3.5	26.25
498	Nguyễn Thị	Trang	HDT026941	1	25.25	1.0	26.25
499	Nông Thị Thiên	Trang	TND026627	1	22.75	3.5	26.25
500	Phạm Thị	ánh	TDV001877	1	24.75	1.5	26.25
501	Vương Quốc	Nam	THP009905	1	25.25	1.0	26.25
502	Nông Thị	Thơm	TQU005337	1	22.75	3.5	26.25
503	Lương Thị	Yến	TND030011	1	22.75	3.5	26.25
504	Nguyễn Trang	Ly	TQU003480	1	24.75	1.5	26.25
505	Bùi Thị	Thơm	TDV029641	1	24.75	1.5	26.25
506	Nguyễn Ngọc	Bích	SPH002019	1	25.75	0.5	26.25
507	Nguyễn Thị Kiều	Trang	DCN011807	1	25.75	0.5	26.25
508	Triệu Thùy	Linh	TND014764	1	22.75	3.5	26.25
509	Nguyễn Thị	Dịu	THP002119	1	25.75	0.5	26.25
510	Thào A	Chứ	TTB000795	1	22.75	3.5	26.25
511	Hà Thị	Quỳnh	TND021038	1	22.75	3.5	26.25
512	Triệu Thị	Thùy	KQH013612	1	22.75	3.5	26.25
513	Hoàng Thị	Vân	HDT029488	1	25.25	1.0	26.25
514	Trần Thị Hồng	Vinh	TDV036256	1	24.75	1.5	26.25
515	Hà Thị Kim	Liên	HDT013607	1	22.75	3.5	26.25
516	Vừ Seo	Hòa	THV004876	1	22.75	3.5	26.25
517	Nguyễn Thị	Giang	TDV007288	1	24.75	1.5	26.25
518	Lương Thị Huyền	Trang	DCN011740	1	22.75	3.5	26.25
519	Lê Thị Hồng	Hạnh	TTB001925	1	24.75	1.5	26.25
520	Nguyễn Thị Lan	Hương	SPH008370	1	25.75	0.5	26.25
521	Bùi Thị Tuyết	Chinh	SPH002526	1	25.75	0.5	26.25
522	Bùi Thị	Phương	TND019724	1	22.75	3.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

Trang 19

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
523	Hoàng Thị	Sen	TND021390	1	22.75	3.5	26.25
524	Nông Thị	Mến	TQU003587	1	22.75	3.5	26.25
525	Nguyễn Thị	Anh	KQH000429	1	24.75	1.5	26.25
526	Hoàng Thị	Len	TND013612	1	22.75	3.5	26.25
527	Nguyễn Thị Anh	Thư	TTB006447	2	24.50	1.5	26.00
528	Hoàng Thị	Hoa	THP005281	2	25.00	1.0	26.00
529	Võ Thị Tuyết	Mây	TDV019139	2	24.50	1.5	26.00
530	Phạm Thị	Linh	KQH008053	2	25.50	0.5	26.00
531	Hoàng Thị	Ninh	TND019159	2	22.50	3.5	26.00
532	Nguyễn Bích	Hòa	TTB002379	2	24.50	1.5	26.00
533	Chu Thị	Hương	TDV014213	2	24.50	1.5	26.00
534	Nguyễn Thị	Trang	HDT026850	2	25.00	1.0	26.00
535	Lê Thị	Loan	HDT015087	2	24.50	1.5	26.00
536	Đỗ Thị	Duyên	KQH002424	2	25.50	0.5	26.00
537	Nguyễn Thị	Nhàn	THP010708	2	25.00	1.0	26.00
538	Đặng Thị	Thành	TDV027630	2	24.50	1.5	26.00
539	Lê Thị	Thư	THV013212	2	22.50	3.5	26.00
540	Lê Thị	Hạnh	HDT007502	2	23.50	2.5	26.00
541	Hoàng Thị	Tấm	TND022175	2	22.50	3.5	26.00
542	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029704	2	24.50	1.5	26.00
543	Hoàng Thị	Nghiệp	TQU003878	2	22.50	3.5	26.00
544	Nguyễn Thu	Trang	HDT026991	2	22.50	3.5	26.00
545	Vũ Thị ánh	Tuyết	THP016392	2	25.50	0.5	26.00
546	Nguyễn Mạnh	Linh	SPH009822	2	25.00	1.0	26.00
547	Trần Thị Thanh	Mai	THP009299	2	25.50	0.5	26.00
548	Phàn Thị	Mấy	TQU003576	2	22.50	3.5	26.00
549	Đồng Thị Ngọc	Thơ	KQH013257	2	22.50	3.5	26.00
550	Nguyễn Thị	Quỳnh	TDV025522	2	25.00	1.0	26.00
551	Nguyễn Văn	Thành	THV012023	2	24.50	1.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

Trang 20

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
552	Hoàng Thị	Trang	TQU005793	2	22.50	3.5	26.00
553	Lê Thị	Ninh	HDT019102	2	25.00	1.0	26.00
554	Dương Thùy	Linh	SPH009423	2	24.50	1.5	26.00
555	Nông Thị Mai	Trang	TND026625	2	22.50	3.5	26.00
556	Nguyễn Bích	Ngọc	TQU003919	2	24.50	1.5	26.00
557	Nguyễn Thị Hương	Lan	THV006923	2	22.50	3.5	26.00
558	Đào Thị Thu	Hương	TQU002596	2	22.50	3.5	26.00
559	Bùi Thị	Mến	HDT016401	2	22.50	3.5	26.00
560	Lê Thị Minh	Thu	TQU005354	2	24.50	1.5	26.00
561	Dương Thị Quỳnh	Trang	TDV032074	2	24.50	1.5	26.00
562	Nguyễn Thị	Vân	TDV035844	2	24.50	1.5	26.00
563	Trần Thị	Trang	TDV033109	2	24.50	1.5	26.00
564	Phạm Lâm	Oanh	LNH007144	2	24.50	1.5	26.00
565	Hà Kim	Oanh	TTB004678	2	24.50	1.5	26.00
566	Trần Ngọc	Toàn	KHA010183	2	25.00	1.0	26.00
567	Phạm Thị Thanh	Hải	YTB006466	2	25.00	1.0	26.00
568	Mai Thị Thanh	Hà	TQU001412	2	24.50	1.5	26.00
569	Phạm Thị Diệu	Hằng	BKA004295	2	25.50	0.5	26.00
570	Vũ Thị Minh	Nguyệt	TQU004022	2	24.50	1.5	26.00
571	Phạm Thị	Huyền	HDT011613	2	25.00	1.0	26.00
572	Đào Thùy	Trang	TQU005766	2	24.50	1.5	26.00
573	Vi Thị Thảo	Ly	TND015781	2	22.50	3.5	26.00
574	Chu Thị	Ngọc	YTB015579	2	25.00	1.0	26.00
575	Nguyễn Thị	Thuận	TDV030027	2	25.00	1.0	26.00
576	Dương Thị	Dung	SPH002980	2	25.50	0.5	26.00
577	Lê Phùng Thùy	Dương	TTB001343	2	24.50	1.5	26.00
578	Phạm Thị Kiều	Dung	DHU002905	2	24.50	1.5	26.00
579	Nguyễn Thị	Huệ	HDT010545	2	25.00	1.0	26.00
580	Trần Mạnh	Cường	TDV004078	2	24.50	1.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
581	Nguyễn Lưu	Ly	TQU003474	1	24.50	1.5	26.00
582	Nguyễn Đức	Công	LNH001193	1	25.50	0.5	26.00
583	Nguyễn Thị Thu	Trang	SPH017627	1	25.00	1.0	26.00
584	Nguyễn Thu	Quỳnh	TND021203	1	24.50	1.5	26.00
585	Trần Minh	Quang	THV010774	1	24.50	1.5	26.00
586	Tòng Thị	Thu	THV012859	1	22.50	3.5	26.00
587	Trần Lan	Hương	YTB010877	1	25.50	0.5	26.00
588	Trần Hương	Giang	TND006025	1	24.50	1.5	26.00
589	Nguyễn Thị Hương	Ly	YTB013836	1	25.00	1.0	26.00
590	Nguyễn Thị	Hằng	HDT008001	1	24.50	1.5	26.00
591	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	SPH013096	1	25.50	0.5	26.00
592	Đỗ Thị	Giang	SPH004466	1	25.00	1.0	26.00
593	Xin Thị	Liên	TQU003047	1	22.50	3.5	26.00
594	Sùng A	Pênh	TTB004732	1	22.50	3.5	26.00
595	Hoàng Thị	Loan	TND014960	1	25.00	1.0	26.00
596	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	YTB010126	1	25.50	0.5	26.00
597	Nguyễn Thị Thắng	Hà	THV003533	1	24.50	1.5	26.00
598	Hoàng Thị Linh	Chi	TND002230	1	22.50	3.5	26.00
599	Ngô Thu	Hiền	TQU001718	1	24.50	1.5	26.00
600	Diệp Thị	Thiện	SPH016090	1	22.50	3.5	26.00
601	Lê Thị Mai	Hương	DQN009066	1	24.50	1.5	26.00
602	Hoàng Thị Thu	Hiền	TND007830	1	22.50	3.5	26.00
603	Đỗ Thu	Nga	HHA009697	1	24.50	1.5	26.00
604	Nguyễn Minh	Huyền	TDV013506	1	25.50	0.5	26.00
605	Phạm Hồng	Nhung	TND019005	1	24.50	1.5	26.00
606	Vũ Thị	Phương	YTB017528	1	25.00	1.0	26.00
607	Phạm Thị	Phương	TND020049	1	24.50	1.5	26.00
608	Mạc Thị	Hiến	TND008102	1	22.50	3.5	26.00
609	Phạm Thị	Loan	TDV017581	1	24.50	1.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
610	Vàng Thị	ánh	TTB000324	1	22.50	3.5	26.00
611	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	YTB010122	1	25.50	0.5	26.00
612	Trần Thị Thu	Thuỷ	THV012932	1	24.50	1.5	26.00
613	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	TTN013748	1	24.50	1.5	26.00
614	Mai Huệ	An	HDT000054	1	25.00	1.0	26.00
615	Đỗ Ngọc	Anh	TND000176	1	24.50	1.5	26.00
616	Nguyễn Thị	Huệ	TND010236	1	22.50	3.5	26.00
617	Phạm Thị	Hạnh	HDT007597	1	24.50	1.5	26.00
618	Nguyễn Thị	Yến	TQU006635	1	24.50	1.5	26.00
619	Triệu Thị Thu	Hường	TND012247	1	22.50	3.5	26.00
620	Nguyễn Thị Thu	Hương	YTB010788	1	25.00	1.0	26.00
621	Lộc Thị	Sao	TND021362	1	22.50	3.5	26.00
622	Y Hoàng	Miô	TTN006948	1	22.50	3.5	26.00
623	Trương Thị Thu	Trang	SPH017853	1	25.00	1.0	26.00
624	Phạm Thị ánh	Nhật	HDT018536	1	24.50	1.5	26.00
625	Triệu Thị Khánh	Hòa	TND009021	1	22.50	3.5	26.00
626	Trần Thị	Nga	HDT017531	1	25.00	1.0	26.00
627	Dương Thị	Huyền	TQU002411	1	22.50	3.5	26.00
628	Nông Văn	Nam	TTB004168	1	22.50	3.5	26.00
629	Nguyễn Thị Tú	Anh	TTB000196	1	24.50	1.5	26.00
630	Tòng Thị	Nguyên	TTB004453	1	22.50	3.5	26.00
631	Trần Thị	Anh	THP000856	1	25.00	1.0	26.00
632	Hoàng Thị	Hường	TND012138	1	22.50	3.5	26.00
633	Bùi Thị Hoài	My	LNH006223	1	22.50	3.5	26.00
634	Bàn Thị	Hường	TND012100	1	22.50	3.5	26.00
635	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	LNH002792	1	24.50	1.5	26.00
636	Nguyễn Thị Đạo	Diễn	TND003429	2	22.25	3.5	25.75
637	Tạ Duy	Thanh	DCN010032	2	25.25	0.5	25.75
638	Nguyễn Thị	Linh	TDV016872	2	24.25	1.5	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
639	Vũ Thị Kiều	Anh	LNH000596	2	22.25	3.5	25.75
640	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	HHA014927	2	25.75		25.75
641	Lê Thị	Nhung	HDT018789	2	24.75	1.0	25.75
642	Đinh Thị Kim	Oanh	HDT019183	2	24.75	1.0	25.75
643	Đinh Xuân Lâm	Anh	TDV022809	2	24.75	1.0	25.75
644	Phạm Như Thu	Hường	YTB011074	2	25.25	0.5	25.75
645	Phạm Mai	Linh	THP008476	2	25.25	0.5	25.75
646	Nguyễn Hồng	Phi	TND019475	2	24.75	1.0	25.75
647	Lê Thị	Dung	HDT003842	2	24.75	1.0	25.75
648	Nguyễn Thị	Hương	TDV014409	2	24.25	1.5	25.75
649	Hoàng Thị	Phương	SPH013614	2	25.25	0.5	25.75
650	Nguyễn Thị	Thạch	KQH012186	2	25.25	0.5	25.75
651	Nguyễn Thị	Phương	HHA011196	2	25.25	0.5	25.75
652	Nguyễn Thị Việt	Nga	TDV020569	2	24.25	1.5	25.75
653	Đinh Thị Ngọc	Hà	TND006154	2	22.25	3.5	25.75
654	Nguyễn Việt	Hà	SPH004974	2	24.25	1.5	25.75
655	Sỹ Thị Nhật	Lệ	YTB012157	2	25.25	0.5	25.75
656	Chu Minh	Trang	DCN011617	2	25.25	0.5	25.75
657	Nguyễn Thị	Thắm	THV012413	2	22.25	3.5	25.75
658	Trần Thị	Giang	TDV007480	2	25.25	0.5	25.75
659	Trần Thị Kim	Chi	SPH002449	2	24.75	1.0	25.75
660	Trần Thị Trà	My	LNH006246	2	24.25	1.5	25.75
661	Lương Đình	Hùng	TND010463	2	22.25	3.5	25.75
662	Bế Thị Lệ	Thủy	TND024753	2	22.25	3.5	25.75
663	Nguyễn Hồng	Nhung	HHA010578	2	24.25	1.5	25.75
664	Tống Thị	Duyên	TND004393	2	24.25	1.5	25.75
665	Lâm Thị	Trang	TND026235	2	22.25	3.5	25.75
666	Triệu Anh	Quân	TQU004502	2	22.25	3.5	25.75
667	Trần Anh	Tuấn	TND028015	2	24.25	1.5	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
668	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	THV009525	2	24.25	1.5	25.75
669	Lê Thị Phương	Mai	TQU003510	2	24.25	1.5	25.75
670	Hoàng Thuý	Kiều	TND013066	2	22.25	3.5	25.75
671	Nguyễn Thị Diệu	Linh	DHU011248	2	24.25	1.5	25.75
672	Ngô Thị	Thùy	TDV030241	2	24.25	1.5	25.75
673	Nguyễn Thị Thu	Dung	THV002093	2	22.25	3.5	25.75
674	Phùng Thị Thu	Huế	TND010121	2	22.25	3.5	25.75
675	Đỗ Thị	Nhung	YTB016326	2	25.25	0.5	25.75
676	Võ Thị	Thúy	TDV030786	2	25.25	0.5	25.75
677	Hoàng Lưu	Ly	TQU003457	2	24.25	1.5	25.75
678	Hoàng Thị Thanh	Mai	TND015935	2	24.25	1.5	25.75
679	Trịnh Thị	Phượng	HDT020281	2	22.25	3.5	25.75
680	Tạ Trần Thu	Hiền	TQU001742	2	24.25	1.5	25.75
681	Lưu Thị Thúy	Huyền	TQU002443	2	22.25	3.5	25.75
682	Lê Thị Thanh	Thảo	THP013315	2	24.75	1.0	25.75
683	Bùi Thị	Ngân	HDT017604	2	24.75	1.0	25.75
684	Triệu Thị	Nam	DCN007756	1	22.25	3.5	25.75
685	Hà Quốc	Chuyển	TND002750	1	22.25	3.5	25.75
686	Bạch Thị Thu	Hiền	SPH005842	1	24.75	1.0	25.75
687	Lương Thị Thu	Hoài	DCN004228	1	25.25	0.5	25.75
688	Nguyễn Khánh	Linh	SPH009786	1	25.25	0.5	25.75
689	Chắc Kiều	Hoài	TQU001983	1	22.25	3.5	25.75
690	Hà Thị Kim	Chanh	TND002080	1	24.25	1.5	25.75
691	Nông Thị Thu	Hoài	TND009186	1	22.25	3.5	25.75
692	Lê Thị	Hạnh	HDT007508	1	24.75	1.0	25.75
693	Đàm Thị	Thơm	KQH013270	1	22.25	3.5	25.75
694	Hà Thị	Hồng	HDT010044	1	22.25	3.5	25.75
695	Lê Đức	Chung	THP001700	1	24.25	1.5	25.75
696	Vàng Quảng	Dín	THV001959	1	22.25	3.5	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
697	Hà Thị	Dung	TND003674	1	22.25	3.5	25.75
698	Hoàng Thị Bình	Minh	TND016493	1	22.25	3.5	25.75
699	Phạm Thị Bích	Ngọc	KQH009971	1	23.75	2.0	25.75
700	Đặng Thị	Hồng	KQH005513	1	22.25	3.5	25.75
701	Lê Ngọc	Linh	TND014252	1	24.25	1.5	25.75
702	Khiếu Thị Kim	Anh	YTB000458	1	25.25	0.5	25.75
703	Lý Kiều	Oanh	TQU004198	1	22.25	3.5	25.75
704	Nông Trường	Giang	THV003334	1	22.25	3.5	25.75
705	Nguyễn Huy	Khánh	THV006575	1	25.25	0.5	25.75
706	Lưu Thị Thanh	Hoa	TQU001917	1	24.25	1.5	25.75
707	Đặng Thị	Thủy	TQU005452	1	22.25	3.5	25.75
708	Hoàng Thị	Hiếu	TND008338	1	22.25	3.5	25.75
709	Vì Thị	Thuận	HDT024661	1	22.25	3.5	25.75
710	Cao Thị Thúy	Quỳnh	LNH007704	1	24.25	1.5	25.75
711	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	HDT025673	1	25.25	0.5	25.75
712	Phạm Thị Huyền	Trang	THV013954	1	24.25	1.5	25.75
713	Đoàn Thị	Hương	DHU009151	1	24.25	1.5	25.75
714	Triệu Thị	Viên	TND029263	1	22.25	3.5	25.75
715	Lưu Thị	Chuyên	TQU000580	1	22.25	3.5	25.75
716	Nguyễn Thị	Trang	TQU005859	1	24.25	1.5	25.75
717	Nguyễn Thị	Thơm	TND024265	1	24.75	1.0	25.75
718	Lý Thị Thúy	Hường	TND012163	1	22.25	3.5	25.75
719	Nguyễn Thị	ánh	KQH000848	1	24.75	1.0	25.75
720	Phạm Thị Thanh	Dung	DCN001758	1	24.75	1.0	25.75
721	Tạ Đức	Hiếu	HDT009046	1	25.25	0.5	25.75
722	Đào Thị Hồng	Nhung	HDT018664	1	25.25	0.5	25.75
723	Hoàng Thảo	Linh	SPH009554	1	24.25	1.5	25.75
724	Hà Hoàng	Mai	TND015906	1	22.25	3.5	25.75
725	Nguyễn Thị	Hương	TDV014416	1	24.75	1.0	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
726	Đinh Thị	Quỳnh	KQH011544	1	25.25	0.5	25.75
727	Bùi Thị	Thảo	DCN010163	3	22.00	3.5	25.50
728	Nguyễn Anh	Tuấn	THV014555	2	24.00	1.5	25.50
729	Trần Thị Bích	Thùy	TND024739	2	22.00	3.5	25.50
730	Chế Thị	Nhung	TDV022280	2	25.00	0.5	25.50
731	Đồng Thị	Mến	THP009447	2	24.50	1.0	25.50
732	Vi Thị	Hồng	TND009891	2	22.00	3.5	25.50
733	Nguyễn Thị Ly	Ly	TDV018365	2	22.00	3.5	25.50
734	Lã Thị Diệu	Linh	LNH005291	2	24.00	1.5	25.50
735	Hà Thị	Hồng	HDT010045	2	24.50	1.0	25.50
736	Hứa Thị	Kiều	TND013056	2	22.00	3.5	25.50
737	Nguyễn Thị	Hồng	HDT010125	2	24.50	1.0	25.50
738	Từ Thị	Lý	TDV018537	2	24.00	1.5	25.50
739	Lê Như	Quỳnh	HDT021025	2	24.50	1.0	25.50
740	La Thị Ngọc	Châm	TND002101	2	22.00	3.5	25.50
741	Lê Thị	Loan	HDT015081	2	24.00	1.5	25.50
742	Vũ Thị	Trà	TND025993	2	24.00	1.5	25.50
743	Lê Thị	Như	TDV022628	2	24.00	1.5	25.50
744	Lê Hồng	Khanh	LNH004740	2	25.00	0.5	25.50
745	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	HDT018427	2	24.00	1.5	25.50
746	Nguyễn Ngọc	Linh	LNH005340	2	24.00	1.5	25.50
747	Nguyễn Thùy	Trang	THV013923	2	24.50	1.0	25.50
748	Dương Thu	Thảo	TTB005843	2	24.00	1.5	25.50
749	Cao Xuân	Hiền	THV004247	2	22.00	3.5	25.50
750	Đặng Thúy	Nga	TDV020350	2	25.00	0.5	25.50
751	Trần Văn	Mạnh	KQH008961	2	25.00	0.5	25.50
752	Hà Thị Thùy	Viên	THV015191	2	22.00	3.5	25.50
753	Phạm Quốc	Thịnh	LNH008892	2	23.00	2.5	25.50
754	Mai Thị	Hồng	HDT010113	2	24.50	1.0	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)
Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
755	Vũ Thị	Linh	HDT014998	2	24.50	1.0	25.50
756	Trần Thị Thu	Hiền	HDT008644	2	24.00	1.5	25.50
757	Nông Thị	Phượng	TND020262	2	22.00	3.5	25.50
758	Hoàng Thị	Yến	YTB025705	2	24.50	1.0	25.50
759	Trần Thị	Liên	TQU003045	2	24.00	1.5	25.50
760	Trần Thị	Huyền	TND011376	2	22.00	3.5	25.50
761	Hoàng Thị	Phùng	TQU004283	2	22.00	3.5	25.50
762	Trương Thị Thu	Huyền	TQU002517	2	23.00	2.5	25.50
763	Bùi Thúy	Phượng	TND019710	2	22.00	3.5	25.50
764	Phượng Thị	Hảo	TND007201	2	22.00	3.5	25.50
765	Trịnh Vũ Ngân	Hà	TDV008083	2	25.00	0.5	25.50
766	Quách Thị Hương	Quỳnh	LNH007774	2	22.00	3.5	25.50
767	Đào Khánh	Dương	TTB001330	2	24.00	1.5	25.50
768	Lương Ngọc	Anh	THV000308	2	24.00	1.5	25.50
769	Nguyễn Thị Thu	Hoài	LNH003577	2	22.00	3.5	25.50
770	Tần Thị	Thảo	THV012338	2	22.00	3.5	25.50
771	Lò Văn	Thêm	TTB006079	2	22.00	3.5	25.50
772	Bùi Ngọc	Lan	LNH004941	2	22.00	3.5	25.50
773	Đặng Thị Quỳnh	Anh	LNH000171	2	24.00	1.5	25.50
774	Nguyễn Quốc	Tuấn	SPH018613	2	25.00	0.5	25.50
775	Nguyễn Thị Minh	Phượng	TND019948	1	25.00	0.5	25.50
776	Lý Ngọc	Linh	TND014313	1	22.00	3.5	25.50
777	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	KQH012829	1	25.00	0.5	25.50
778	Nguyễn Thị Thùy	Quyên	YTB018085	1	24.50	1.0	25.50
779	Lưu Thị	Phượng	TDV023882	1	24.00	1.5	25.50
780	Ngô Thị Lan	Nhi	HVN007734	1	24.50	1.0	25.50
781	Nguyễn Thị	Hạnh	HVN003027	1	25.00	0.5	25.50
782	Sinh Quốc	Toản	TQU005721	1	22.00	3.5	25.50
783	Nguyễn Thị	Hoa	YTB008243	1	24.50	1.0	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
784	Phạm Hồng	Thắm	THP013587	1	25.00	0.5	25.50
785	Quàng Thị	Kim	TTB003246	1	22.00	3.5	25.50
786	Hoàng Văn	Tuấn	TQU006108	1	22.00	3.5	25.50
787	Đặng Thị	Hiếu	HVN003641	1	24.50	1.0	25.50
788	Lý Thị	Nường	TND019243	1	22.00	3.5	25.50
789	Đàm Thị Minh	Nguyệt	TND018334	1	22.00	3.5	25.50
790	Quan Ngọc	Linh	TND014718	1	22.00	3.5	25.50
791	Nguyễn Ngọc	Tú	TND027531	1	22.00	3.5	25.50
792	Lưu Thanh	Hiền	HVN003386	1	25.00	0.5	25.50
793	Lò Thị	Hiền	TTB002134	1	22.00	3.5	25.50
794	Đinh Thị Hà	Duyên	LNH001702	1	25.00	0.5	25.50
795	Vũ Thị Kim	Oanh	THP011225	1	25.00	0.5	25.50
796	Lương Hoài	Thu	THV012812	1	23.00	2.5	25.50
797	Nguyễn Thị	Duyên	TDV005323	1	24.00	1.5	25.50
798	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	YTB006647	1	24.00	1.5	25.50
799	Trần Thị Thu	Hà	THV003630	1	25.00	0.5	25.50
800	Bùi Thị	Nhớ	LNH006909	1	22.00	3.5	25.50
801	Lê Thu	Hà	TTB001744	1	24.00	1.5	25.50
802	Nguyễn Thị Thu	Phượng	SPH013788	1	24.00	1.5	25.50
803	Vũ Thị Hồng	Ngát	BJA009239	1	24.50	1.0	25.50
804	Mào Thị	Duyên	TTB001294	1	22.00	3.5	25.50
805	Phan Hồng	Nhung	TDV022497	1	24.00	1.5	25.50
806	Ma Thị Thùy	Trang	TQU005826	2	21.75	3.5	25.25
807	Hồ Thị Quỳnh	Anh	DHU000256	2	24.75	0.5	25.25
808	Lê Thị	Thùy	SPH016490	2	24.75	0.5	25.25
809	Lô Thị	Hoa	TND008738	2	21.75	3.5	25.25
810	Mai Thị	Trang	HDT026674	2	24.25	1.0	25.25
811	Nông Thị	Tuyết	THV014933	2	21.75	3.5	25.25
812	Dương Thị	Lương	TND015496	2	24.25	1.0	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
813	Ngô Thị	Đào	HDT005142	2	24.25	1.0	25.25
814	Thiếu Thị	Trình	HDT027451	2	24.75	0.5	25.25
815	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	THP000602	2	24.25	1.0	25.25
816	Dương Thị	Thương	TLA013548	2	24.25	1.0	25.25
817	Ma Thị	Huế	TND010086	2	21.75	3.5	25.25
818	Nguyễn Khánh	Huyền	TND011177	2	21.75	3.5	25.25
819	Nguyễn Thị Tú	Quyên	HDT020820	2	24.25	1.0	25.25
820	Phan Thị Khuyên	Giang	TDV007432	2	23.25	2.0	25.25
821	Hoàng Hải	Hiệp	TND008147	2	21.75	3.5	25.25
822	Lê Thị	Ngọc	HDT017949	2	24.75	0.5	25.25
823	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	THV013348	2	21.75	3.5	25.25
824	Nguyễn Thị	Liên	HDT013667	2	24.25	1.0	25.25
825	Ngô Xuân	Trường	HVN011476	2	24.25	1.0	25.25
826	Hoàng Thị	Liên	TND013846	2	21.75	3.5	25.25
827	Ma Hoài	Thương	TND025339	2	21.75	3.5	25.25
828	Trần Hồng	Nhung	YTB016506	2	24.25	1.0	25.25
829	Cao Thị	Xuyến	TND029846	2	21.75	3.5	25.25
830	Nguyễn Thị	Thảo	THP013390	2	24.25	1.0	25.25
831	Đỗ Hoàng	Long	TND015069	2	23.75	1.5	25.25
832	Đặng Thị Thùy	Linh	BKA007396	2	24.25	1.0	25.25
833	Nguyễn Thị	Dương	DCN002123	2	21.75	3.5	25.25
834	Trần Thùy	Giang	HDT006459	2	24.25	1.0	25.25
835	Trần Thị ánh	Tuyết	DCN012864	2	24.25	1.0	25.25
836	Hoàng Thị Thùy	Linh	THV007419	2	21.75	3.5	25.25
837	Sái Kiều	Liên	TND013898	2	21.75	3.5	25.25
838	Hoàng Thị Thanh	Huyền	HDT011326	2	24.25	1.0	25.25
839	Nguyễn Văn	Tuấn	TDV034886	2	21.75	3.5	25.25
840	Đinh Thị	Hảo	TND007146	2	21.75	3.5	25.25
841	Nguyễn Thị Phương	Thảo	HDT023274	2	23.75	1.5	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
842	Mai Đình	Thành	HDT022834	2	24.25	1.0	25.25
843	Hà Thị	Hoa	LNH003408	2	21.75	3.5	25.25
844	Hà Văn	Long	HDT015212	2	21.75	3.5	25.25
845	Kiều Thị Huyền	Trang	KQH014436	2	24.75	0.5	25.25
846	Lò Văn	Thượng	THV013337	2	21.75	3.5	25.25
847	Nguyễn Minh	Thúy	THV013150	2	23.75	1.5	25.25
848	Doãn Hải	Châu	SPH002225	1	24.25	1.0	25.25
849	Nguyễn Đình	Tiến	DCN011427	1	24.25	1.0	25.25
850	Lèo Huyền	Trang	DCN011720	1	21.75	3.5	25.25
851	Vũ Mỹ	Hoa	YTB008336	1	24.25	1.0	25.25
852	Nông Thị Mai	Chi	TND002289	1	21.75	3.5	25.25
853	Nguyễn Thị Trà	My	TDV019605	1	24.75	0.5	25.25
854	Cần Thị	Huyền	DCN004875	1	24.75	0.5	25.25
855	Bùi Thị Phương	Thảo	LNH008421	1	21.75	3.5	25.25
856	Phạm Thị Thu	Thảo	TND023291	1	21.75	3.5	25.25
857	Trần Thị	Thơ	TDV029629	1	24.25	1.0	25.25
858	Hà Thị Hồng	Minh	THV008686	1	21.75	3.5	25.25
859	Bùi Thị Quỳnh	Hương	DCN005243	1	21.75	3.5	25.25
860	Vũ Hà	Nhi	KHA007504	1	24.75	0.5	25.25
861	Nguyễn Thị Thanh	Lộc	KHA006173	1	24.75	0.5	25.25
862	Bùi Thị	Thắm	LNH008646	1	21.75	3.5	25.25
863	Đỗ Thị	Linh	TND014063	1	23.75	1.5	25.25
864	Vũ Văn	Linh	KQH008144	1	24.75	0.5	25.25
865	Cứ A	Chở	TTB000672	1	21.75	3.5	25.25
866	Giàng A	Phong	TTB004767	1	21.75	3.5	25.25
867	Nguyễn Minh	Thượng	TLA013559	1	24.25	1.0	25.25
868	Hứa Thị	Tươi	TND028723	1	21.75	3.5	25.25
869	Đinh Thị	Vân	HHA016046	1	23.75	1.5	25.25
870	Nguyễn Như	Quỳnh	HDT021148	1	23.75	1.5	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
871	Nguyễn Thị Thu	Hoài	SPH006705	1	23.75	1.5	25.25
872	Lương Trần Linh	Chi	TND002248	1	21.75	3.5	25.25
873	Nguyễn Bá Minh	Tú	THV014386	1	23.75	1.5	25.25
874	Ngân Thu	Huyền	TTB002818	1	21.75	3.5	25.25
875	Đoàn Thị	Tuyết	HDT029039	1	24.25	1.0	25.25
876	Phan Thị	Nga	HDT017490	1	23.75	1.5	25.25
877	Vi Thị	Nga	HHA009783	1	21.75	3.5	25.25
878	Luân Thị	Thùy	TND024692	1	21.75	3.5	25.25
879	Nguyễn Phương	Thảo	HDT023264	1	24.75	0.5	25.25
880	Nông Thị Thùy	Linh	TND014645	1	21.75	3.5	25.25
881	Lưu Thị Thuỳ	Trang	TND026328	1	21.75	3.5	25.25
882	Điêu Thị	Quỳnh	THV011039	1	21.75	3.5	25.25
883	Đào Thị	Hà	TDV007591	2	23.50	1.5	25.00
884	Phạm Thị	Linh	HDT014743	2	24.00	1.0	25.00
885	Lê Văn	Bắc	TND001595	2	21.50	3.5	25.00
886	Lộc Thị	Lệ	TND013691	2	21.50	3.5	25.00
887	Giàng Thị	Vĩ	TQU006452	2	21.50	3.5	25.00
888	Hoàng Văn	Hưởng	DCN005558	2	21.50	3.5	25.00
889	Giàng A	Sênh	THV011312	2	21.50	3.5	25.00
890	Trịnh Thị Lan	Tường	HDT029259	2	23.50	1.5	25.00
891	Lê Thị	Dung	HDT003850	2	24.00	1.0	25.00
892	Bùi Hồng	Nhâm	LNH006858	2	21.50	3.5	25.00
893	Hoàng Thị	Vân	TND029059	2	21.50	3.5	25.00
894	Đặng Đình	Tuấn	TDV034566	2	23.50	1.5	25.00
895	Mai Thị	Thảo	HDT023246	2	24.00	1.0	25.00
896	Ngô Thị	Duyên	TDV005300	2	23.50	1.5	25.00
897	Vũ Thị Tuyết	Băng	TND001635	2	23.50	1.5	25.00
898	Nông Thu	Hà	TND006410	2	21.50	3.5	25.00
899	Nông Quỳnh	Hương	TND011964	2	21.50	3.5	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
900	Vũ Thị	Liên	YTB012306	2	24.00	1.0	25.00
901	Nguyễn Thị Việt	Phượng	THP011646	2	24.50	0.5	25.00
902	Vương Thị	Quế	TDV024851	2	24.00	1.0	25.00
903	Trần Thị	Kiều	HDT013015	2	23.50	1.5	25.00
904	Vũ Thị Thu	Hoài	TND009223	2	23.50	1.5	25.00
905	Hoàng Thị Huyền	Trang	HDT026366	2	24.00	1.0	25.00
906	Trần Hồng	Hạnh	TTB001945	2	23.50	1.5	25.00
907	Phạm Việt	Hoa	TTB002337	2	23.50	1.5	25.00
908	Hà Thị	My	LNH006229	2	21.50	3.5	25.00
909	Thào A	Mếnh	DCN007325	2	22.50	2.5	25.00
910	Vũ Thị Kim	Khánh	YTB011385	2	24.50	0.5	25.00
911	Lê Thị	Huyền	HDT011361	2	21.50	3.5	25.00
912	Lường Thị	Nguyệt	TTB004479	2	21.50	3.5	25.00
913	Vũ Thị	Dương	THP002855	2	24.50	0.5	25.00
914	Đinh Thị Hải	Yến	TND029937	1	21.50	3.5	25.00
915	Đỗ Thị	Mặn	SPH011222	1	24.00	1.0	25.00
916	Trần Thị Cẩm	Tú	TND027605	1	21.50	3.5	25.00
917	Ngô Thị	Huyền	SPH007796	1	24.50	0.5	25.00
918	Cà Thị	Quyên	TTB005106	1	21.50	3.5	25.00
919	Vũ Mạnh	Quyên	KQH011483	1	24.50	0.5	25.00
920	Lò Thị	Hương	TTB002956	1	21.50	3.5	25.00
921	Hoàng Thị	Huệ	TND010181	1	21.50	3.5	25.00
922	Mộc Văn	Chinh	THV001405	1	21.50	3.5	25.00
923	Nguyễn Thị Nhật	Huệ	TND010280	1	21.50	3.5	25.00
924	Nông Thị	Gấm	TND005751	1	21.50	3.5	25.00
925	Mùa A	Seng	TND021407	1	21.50	3.5	25.00
926	Lê Tiến	Thành	TND022612	1	24.50	0.5	25.00
927	Triệu Thị	Trang	TQU005901	1	21.50	3.5	25.00
928	Phùng Thị	Mai	TND016070	1	21.50	3.5	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
929	Lê Thị Thu	Thủy	HDT024911	1	24.00	1.0	25.00
930	Bùi Kim	Lũy	TLA008669	1	24.50	0.5	25.00
931	Phạm Lan	Anh	HDT001361	1	24.00	1.0	25.00
932	Ngọc Khánh	Chung	TQU000561	1	21.50	3.5	25.00
933	Trịnh Thu	Hà	THV003643	1	23.50	1.5	25.00
934	Triệu Thị	Ngát	TND017510	1	21.50	3.5	25.00
935	Lê Thị Hương	Quỳnh	TDV025388	1	23.50	1.5	25.00
936	Vàng Thị	Thủy	THV013091	1	21.50	3.5	25.00
937	Ma ánh	Tuyết	TQU006316	1	21.50	3.5	25.00
938	Nguyễn Thanh	Tùng	THP016190	1	24.50	0.5	25.00
939	Hoàng Thị Bích	Phương	TQU004310	1	23.50	1.5	25.00
940	Nguyễn Thu	Hằng	TDV009304	1	24.00	1.0	25.00
941	Hoàng Minh	Ngọc	TND017928	1	21.50	3.5	25.00
942	Đỗ Mạnh	Khánh	DCN005638	1	24.50	0.5	25.00
943	Nguyễn Thị	Hạc	TND006551	1	21.50	3.5	25.00
944	Nguyễn Phương	Thảo	TLA012538	1	24.50	0.5	25.00
945	Nguyễn Vũ Thiều	Hoa	THP005353	1	24.50	0.5	25.00
946	Nông Thị	Hợp	TND009923	1	21.50	3.5	25.00
947	Giàng Thị	Cúc	TTB000864	1	21.50	3.5	25.00
948	Phan Thị	Trình	TTB006890	1	23.50	1.5	25.00
949	Vũ Thị Hồng	Hạnh	TND007096	1	24.50	0.5	25.00
950	Ly Thị	Mỹ	TTB004096	1	21.50	3.5	25.00
951	Chu Thị Kim	Chi	TND002199	1	23.50	1.5	25.00
952	Hồ Thị Diễm	Quỳnh	DHU018958	2	23.25	1.5	24.75
953	Quan Thị	Vân	TQU006433	2	21.25	3.5	24.75
954	Lê Ngọc	Linh	TND014253	2	21.25	3.5	24.75
955	Phạm Thị	Giang	HDT006422	2	23.25	1.5	24.75
956	Ma Thị Hương	Thảo	KQH012589	2	21.25	3.5	24.75
957	Doãn Thị	Tĩnh	TDV031596	2	23.25	1.5	24.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
958	Cao Thị	Trang	SPH017281	2	23.75	1.0	24.75
959	Liềng Thị	Mai	THV008399	2	21.25	3.5	24.75
960	Phạm Thị	Hằng	TDV009352	2	23.75	1.0	24.75
961	Quách Xương	Trang	HDT027109	2	21.25	3.5	24.75
962	Nguyễn Thị	Hoài	HDT009611	2	23.75	1.0	24.75
963	Lò Thạc	Khuê	THV006689	2	21.25	3.5	24.75
964	Nguyễn Thị	Loan	TQU003320	2	23.25	1.5	24.75
965	Đình Minh	Đức	KQH003135	2	24.25	0.5	24.75
966	Hoàng Thanh	Thương	TND025321	2	21.25	3.5	24.75
967	Nguyễn Tuấn	Cương	THP001861	2	23.75	1.0	24.75
968	Phạm Thị Hương	Giang	LNH002395	2	23.25	1.5	24.75
969	Nông Quốc	Cường	TND003259	2	21.25	3.5	24.75
970	Lý Thị	Hạnh	TND006945	2	21.25	3.5	24.75
971	Bế Thị	Định	TND005206	2	21.25	3.5	24.75
972	Nguyễn Thị	Liên	TQU003036	2	23.25	1.5	24.75
973	Nguyễn Nhã	Đồng	TDV006478	2	23.75	1.0	24.75
974	Nguyễn Thị	Hiếu	TDV010525	2	23.75	1.0	24.75
975	Bùi Thị	Dung	HDT003743	2	23.75	1.0	24.75
976	Phạm Như	Quỳnh	THV011168	2	23.25	1.5	24.75
977	Hoàng Ngọc	Luyến	TND015391	2	21.25	3.5	24.75
978	Phạm Hữu	Tuyền	THP016305	2	23.75	1.0	24.75
979	Hoàng Thị	Hoan	TND009238	1	21.25	3.5	24.75
980	Nông Thị	Ngân	TND017616	1	21.25	3.5	24.75
981	Lý Mùi	Chuổng	TND002712	1	21.25	3.5	24.75
982	Tăng Thị	Chang	THP001430	1	23.75	1.0	24.75
983	Trần Thị	Phượng	HHA011396	1	21.25	3.5	24.75
984	Dương Thanh	Nhiệm	TND018724	1	21.25	3.5	24.75
985	Nông Thị Lan	Anh	TND000937	1	21.25	3.5	24.75
986	Nguyễn Thị	Đoan	TLA003464	1	24.25	0.5	24.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
987	Hoàng Thị	Lan	TND013263	1	21.25	3.5	24.75
988	Hà Thị	Nga	TND017303	1	21.25	3.5	24.75
989	Đào Quang	Anh	TLA000247	1	24.75		24.75
990	Nguyễn Thị	Trang	TLA014161	1	24.25	0.5	24.75
991	Trần Thị	Hoàn	YTB008625	1	23.75	1.0	24.75
992	Đinh Thị Như	Quỳnh	THV011045	1	21.25	3.5	24.75
993	Từ Thị	Tuyến	TND028584	1	23.25	1.5	24.75
994	Đỗ Phương	Anh	TND000180	1	23.25	1.5	24.75
995	Bùi Thị	Lợi	LNH005694	1	21.25	3.5	24.75
996	Võ Tiến	Đạt	TDV006201	1	23.75	1.0	24.75
997	Hà Thị	Chinh	HDT002718	1	23.25	1.5	24.75
998	Phan Thanh	Xuân	DCN013341	1	23.75	1.0	24.75
999	Hà Thanh	Huyền	TLA006252	1	23.75	1.0	24.75
1000	Phàn Mấy	Lẫy	DCN005972	1	21.25	3.5	24.75
1001	Phan Lê Minh	Phương	TDV024090	1	24.25	0.5	24.75
1002	Nguyễn Thị	Hiền	SPH005915	1	23.75	1.0	24.75
1003	Hà Văn	Thắm	HDT023531	1	21.25	3.5	24.75
1004	Hoàng Thị	Dung	TND003690	1	21.25	3.5	24.75
1005	Phùng Thị Ngọc	ánh	THV000842	1	23.25	1.5	24.75
1006	Bùi Thị	Hoài	HDT009534	1	23.75	1.0	24.75
1007	Lý Thị	Thanh	TND022460	1	21.25	3.5	24.75
1008	Trần Thị	Ngân	HDT017692	1	23.25	1.5	24.75
1009	Nông Thị	Tinh	TND025686	1	21.25	3.5	24.75
1010	Nguyễn Văn	Tuấn	THV014633	1	23.25	1.5	24.75
1011	Trần Thị Vân	Anh	DCN000700	1	24.25	0.5	24.75
1012	Đinh Thị	Dự	TQU001020	1	21.25	3.5	24.75
1013	Phan Thị	Hoài	TDV011412	1	23.75	1.0	24.75
1014	Kiều Thu	Hiền	TLA004792	1	24.25	0.5	24.75
1015	Nguyễn Thị	Liên	HDT013651	1	23.75	1.0	24.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1016	Nông Thị Yến	Nhi	TND018706	1	21.25	3.5	24.75
1017	Trần Thị Vân	Anh	TND001122	1	24.25	0.5	24.75
1018	Hoàng Mạnh	Thưởng	THV013330	1	23.25	1.5	24.75
1019	Phùng Thị	Phượng	TND020269	1	21.25	3.5	24.75
1020	Đinh Ngọc	Quỳnh	THV011041	1	23.25	1.5	24.75
1021	Đoàn Thị Hồng	Ly	YTB013807	2	24.00	0.5	24.50
1022	Ngô Thị Lan	Phượng	DHU017849	2	24.00	0.5	24.50
1023	Đào Thị	Thúy	TND024976	2	23.00	1.5	24.50
1024	Lương Thị	Thắm	TTB005973	2	21.00	3.5	24.50
1025	Trần Thị Mỹ	Hoa	SPH006592	2	23.50	1.0	24.50
1026	Trương Thành	Đức	BKA003356	2	24.00	0.5	24.50
1027	Nguyễn Phương	Ly	TLA008796	2	24.50		24.50
1028	Trần Thái	Bảo	SPH001971	2	24.50		24.50
1029	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	YTB010107	2	24.00	0.5	24.50
1030	Vũ Thị Yến	Chi	SPH002462	2	23.00	1.5	24.50
1031	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	TDV021203	2	23.00	1.5	24.50
1032	Lê Thị	Hường	HDT012462	2	23.50	1.0	24.50
1033	Lương Thị	Linh	HDT014285	2	23.00	1.5	24.50
1034	Vũ Thị Thúy	Hằng	SPH005765	2	23.00	1.5	24.50
1035	Hoàng Thùy	Trang	THV013728	2	21.00	3.5	24.50
1036	Phạm Thị Thuý	Linh	TDV017190	2	23.50	1.0	24.50
1037	Trương Thị	Hoa	HDT009348	2	23.50	1.0	24.50
1038	Nguyễn Thị	Thủy	TQU005470	2	23.00	1.5	24.50
1039	Lò Thị	Lan	TTB003310	2	21.00	3.5	24.50
1040	Nguyễn Thị	Hường	LNH004641	2	23.00	1.5	24.50
1041	Trần Thị Huyền	Trang	TND026732	2	21.00	3.5	24.50
1042	Chu Thị	Chiều	TND002443	2	21.00	3.5	24.50
1043	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	THV014097	2	23.00	1.5	24.50
1044	Nguyễn Thị	Tuân	TQU006088	2	21.00	3.5	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1045	Lương Kim	Hoàn	TND009285	2	21.00	3.5	24.50
1046	Hà Thị	Phượng	TTB004860	2	21.00	3.5	24.50
1047	Nguyễn Thị	Duyên	TND004341	2	23.00	1.5	24.50
1048	Trần Thị	Hiền	THP004893	2	23.50	1.0	24.50
1049	Nguyễn Mạnh	Cường	TND003195	2	24.00	0.5	24.50
1050	Triệu Thị	Diệu	TND003543	2	21.00	3.5	24.50
1051	Nguyễn Thị	Thanh	HDT022629	2	22.50	2.0	24.50
1052	Trương Thúy	Nga	SPH012233	1	24.00	0.5	24.50
1053	Hà Thị Hoài	Hiền	THV004233	1	21.00	3.5	24.50
1054	Hứa Hoàng	Vinh	TND029381	1	21.00	3.5	24.50
1055	Nguyễn Thị	Yến	TDV037020	1	23.50	1.0	24.50
1056	Lò Thị	Thanh	TTB005665	1	21.00	3.5	24.50
1057	Trần Tú	Trình	SPK014572	1	23.00	1.5	24.50
1058	Lê Thị	Hoà	YTB008361	1	23.50	1.0	24.50
1059	Trần Thị	Hoài	HDT009635	1	21.00	3.5	24.50
1060	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	KQH012644	1	24.00	0.5	24.50
1061	Quàng Văn	Tùng	TTB007245	1	21.00	3.5	24.50
1062	Ma Thị	Hà	THV003498	1	21.00	3.5	24.50
1063	Nguyễn Thị	Phong	SPH013406	1	24.00	0.5	24.50
1064	Nguyễn Thị	Hằng	SPH005644	1	23.50	1.0	24.50
1065	Lý Thị	Ghến	THV003174	1	21.00	3.5	24.50
1066	Nguyễn Thanh	Hoa	THV004768	1	23.00	1.5	24.50
1067	Chấu Thị	Ly	TQU003450	1	21.00	3.5	24.50
1068	Đặng Mạnh	Hùng	TQU002264	1	23.00	1.5	24.50
1069	Dương Phước	Sang	SPH014607	1	24.00	0.5	24.50
1070	Đào Huyền	My	TND016779	1	24.00	0.5	24.50
1071	Pờ Gia	Pớ	TTB004995	1	21.00	3.5	24.50
1072	Lường Thị	Huế	TTB002618	1	21.00	3.5	24.50
1073	Giàng Văn	Tư	TQU006328	1	21.00	3.5	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1074	Lộc Thị Lan	Anh	TND000445	1	21.00	3.5	24.50
1075	Đào Thị	Thu	THP014025	1	23.50	1.0	24.50
1076	Nguyễn Thị	Diệp	THP002082	1	23.50	1.0	24.50
1077	Nguyễn Thị Hà	Trang	DCN011779	1	21.00	3.5	24.50
1078	Đào Thị	My	TND016909	1	21.00	3.5	24.50
1079	Đặng Thị Huyền	Trang	TQU005775	1	23.00	1.5	24.50
1080	Đặng Hà	Dụng	TQU001033	1	21.00	3.5	24.50
1081	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TDV028137	1	24.00	0.5	24.50
1082	Vi Thị	Hảo	TDV008884	1	21.00	3.5	24.50
1083	Giàng Thị	Và	TND028973	1	21.00	3.5	24.50
1084	Lê Thị Khánh	Linh	HDT014099	1	23.50	1.0	24.50
1085	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	TND014527	1	24.00	0.5	24.50
1086	Triệu Ngọc	Chiến	TQU000481	1	21.00	3.5	24.50
1087	Lò Thị	Hằng	TTB002023	1	21.00	3.5	24.50
1088	Hoàng Kim	Phú	TND019597	1	21.00	3.5	24.50
1089	Bùi Văn	Nghiệp	YTB015529	1	23.50	1.0	24.50
1090	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	TDV000980	1	24.00	0.5	24.50
1091	Triệu Mùi	Ten	TND022246	1	21.00	3.5	24.50
1092	Nguyễn Thị	Thùy	TND024717	1	21.00	3.5	24.50
1093	Hạng Thị	Pàng	TTB004708	1	21.00	3.5	24.50
1094	Nguyễn Thị	Oanh	KQH010551	1	24.00	0.5	24.50
1095	Đieu Thị	Vân	TTB007425	1	21.00	3.5	24.50
1096	Nguyễn Thị Thu	Hương	THV006268	2	22.75	1.5	24.25
1097	Hoàng Thị	Hạnh	HDT007478	2	23.25	1.0	24.25
1098	Vũ Hồng	Phượng	THV010669	2	22.75	1.5	24.25
1099	Lê Thị	Linh	SPH009611	2	23.75	0.5	24.25
1100	Trần Thị	Nha	TND018488	2	20.75	3.5	24.25
1101	Đinh Thị	Liên	LNH005113	2	20.75	3.5	24.25
1102	Bùi Thị	Nhung	HDT018636	2	23.25	1.0	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1103	Đỗ Thị	Uyên	KQH015940	2	23.75	0.5	24.25
1104	Nguyễn Thị	Loan	YTB013301	2	23.25	1.0	24.25
1105	Đỗ Thị	Thảo	THV012108	2	20.75	3.5	24.25
1106	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	THP006593	2	23.25	1.0	24.25
1107	Nguyễn Thị Hồng	Trang	HHA014609	2	23.75	0.5	24.25
1108	Nguyễn Thị	Doanh	TND003593	2	22.75	1.5	24.25
1109	Bùi Thị	Trang	LNH009651	2	20.75	3.5	24.25
1110	Bùi Thị	Duyên	TDV005217	2	23.25	1.0	24.25
1111	Trần Thùy	Linh	YTB013134	2	23.75	0.5	24.25
1112	Phạm Thị	Bình	HDT002247	2	20.75	3.5	24.25
1113	Lương Thị Lệ	Quyên	TND020778	2	20.75	3.5	24.25
1114	Nguyễn Thu	Trang	THV013909	2	22.75	1.5	24.25
1115	Nguyễn Thị	Hằng	YTB007020	2	22.25	2.0	24.25
1116	Nguyễn Thị	Thảo	TDV028207	2	23.25	1.0	24.25
1117	Lê Thị	Giang	HDT006293	2	23.25	1.0	24.25
1118	Lưu Khánh	Linh	SPH009654	2	20.75	3.5	24.25
1119	Nguyễn Thị	Tấm	YTB019074	1	23.25	1.0	24.25
1120	Phùng Thị	Hồng	SPH007055	1	23.25	1.0	24.25
1121	Hoàng Thị	Thanh	HDT022544	1	22.75	1.5	24.25
1122	Vũ Hương	Hà	TND006516	1	20.75	3.5	24.25
1123	Nông Thị	Vân	TND029364	1	20.75	3.5	24.25
1124	Đào Duy	Hải	TLA004256	1	23.75	0.5	24.25
1125	Ngũ Thị	Thảo	TQU005075	1	20.75	3.5	24.25
1126	Bế Ngọc	Thư	KQH013879	1	20.75	3.5	24.25
1127	Long Quốc	Huấn	TND009988	1	20.75	3.5	24.25
1128	Vũ Thị Hoài	Linh	THV007829	1	22.75	1.5	24.25
1129	Nguyễn Hương	Giang	SPH004550	1	23.25	1.0	24.25
1130	Phạm Minh	Phương	TND020044	1	22.75	1.5	24.25
1131	Vũ Ngọc Quỳnh	Trang	BKA013696	1	24.25		24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1132	Trần Thị Nhật	Lệ	BKA007204	1	23.75	0.5	24.25
1133	Đỗ Quân	Thái	SPH015176	1	23.75	0.5	24.25
1134	Kha Thị	Linh	TDV016493	1	20.75	3.5	24.25
1135	Võ Phương	Linh	TDV017423	1	23.75	0.5	24.25
1136	Lục Văn	Đình	TND005198	1	20.75	3.5	24.25
1137	Đình Thị	Thu	TQU005345	1	22.75	1.5	24.25
1138	Hoàng Thị Huyền	Chang	TND002064	1	20.75	3.5	24.25
1139	Phạm Thị Huyền	Trang	YTB023005	1	23.75	0.5	24.25
1140	Triệu Hà	Thanh	TND022523	1	20.75	3.5	24.25
1141	Nguyễn Thị	Nhung	SPH013133	1	22.75	1.5	24.25
1142	Ngọc Bích	Thảo	TND023059	1	20.75	3.5	24.25
1143	Phạm Thị	Trình	THP015564	1	23.75	0.5	24.25
1144	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	THV007570	1	23.75	0.5	24.25
1145	Châu Thị	Thuỷ	TQU005415	1	20.75	3.5	24.25
1146	Nguyễn Thị Lan	Anh	THP000532	1	23.25	1.0	24.25
1147	Bùi Thị Thu	Thảo	TLA012433	1	23.25	1.0	24.25
1148	Nguyễn Văn	Tuấn	TQU006149	1	22.75	1.5	24.25
1149	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DCN003740	1	23.75	0.5	24.25
1150	Vi Thị	Hồi	TND009670	1	20.75	3.5	24.25
1151	Nông Nguyệt	Hà	TND006403	1	20.75	3.5	24.25
1152	Nguyễn Thị	Loan	BKA007942	1	23.25	1.0	24.25
1153	Trịnh Thị Bích	Ngọc	TTB004420	1	22.75	1.5	24.25
1154	Phạm Thị	Lan	HDT013272	1	22.75	1.5	24.25
1155	Hoàng Phương	Thúy	TND024993	1	20.75	3.5	24.25
1156	Long Thị	Vân	TND029083	1	20.75	3.5	24.25
1157	Nguyễn Thị	Nhung	SPH013128	1	22.75	1.5	24.25
1158	Lò Thị	Thảo	TTB005882	1	20.75	3.5	24.25
1159	Nguyễn Thị	Ngát	HDT017591	1	23.25	1.0	24.25
1160	Nguyễn Thị Hồng	Quý	TND020695	1	22.75	1.5	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1161	Nguyễn Thu	Hiền	KQH004608	1	20.75	3.5	24.25
1162	Nguyễn Thu	Phương	SPH013800	1	23.75	0.5	24.25
1163	Hoàng Thị	Hường	KQH006851	3	20.50	3.5	24.00
1164	Lữ Thị Hải	Yến	TLA015865	2	23.50	0.5	24.00
1165	Phạm Thị	Hiền	HDT008582	2	22.50	1.5	24.00
1166	Nguyễn Thị	Duyên	TDV005348	2	23.00	1.0	24.00
1167	Lý Thị Minh	Vượng	TQU006545	2	20.50	3.5	24.00
1168	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	THP009235	2	23.00	1.0	24.00
1169	Vũ Duy	Tiến	HHA014203	2	22.50	1.5	24.00
1170	Ma Thị	Lan	TQU002923	2	20.50	3.5	24.00
1171	Phùng Thị	Oanh	TND019393	2	20.50	3.5	24.00
1172	Vũ Thị	Nữ	TND019228	2	22.50	1.5	24.00
1173	Hoàng Kim	Cúc	TND002938	2	20.50	3.5	24.00
1174	Võ Thị Thu	Hiền	TDV010166	2	22.50	1.5	24.00
1175	Ngọc Thị	Tươi	TND028733	2	20.50	3.5	24.00
1176	Phạm Ngọc	Ngà	THP010082	2	23.50	0.5	24.00
1177	Chu Thúy	Hiền	TQU001685	2	20.50	3.5	24.00
1178	Ngô Văn	Chính	THP001673	2	23.00	1.0	24.00
1179	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DCN010306	2	23.50	0.5	24.00
1180	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	TND007016	2	23.50	0.5	24.00
1181	Nguyễn Thị	Nhung	TTB004592	2	22.50	1.5	24.00
1182	Phùng Văn	Pu	TND020306	2	20.50	3.5	24.00
1183	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029685	2	23.00	1.0	24.00
1184	Đinh Thị	Phương	TDL011197	2	22.50	1.5	24.00
1185	Trần Thị Thủy	Tiên	TDV031339	2	23.00	1.0	24.00
1186	Chu Tú	Anh	TND000127	2	20.50	3.5	24.00
1187	Trần Thị	Hường	THV006436	2	22.50	1.5	24.00
1188	Phạm Thị Khánh	Huyền	TQU002484	2	22.50	1.5	24.00
1189	Trần Thu	Huyền	TQU002515	2	20.50	3.5	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)
Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1190	Bùi Thị Phương	Loan	LNH005532	2	20.50	3.5	24.00
1191	Hoàng Thị	Thắm	TND023427	1	20.50	3.5	24.00
1192	Nguyễn Thu	Hà	HDT006891	1	23.00	1.0	24.00
1193	Lò Văn	Mạnh	TTB003915	1	20.50	3.5	24.00
1194	Vương Trịnh	Huấn	TND010011	1	20.50	3.5	24.00
1195	Phạm Thị	Liều	TDV016179	1	23.00	1.0	24.00
1196	Hoàng Thị Huyền	Trang	THV013712	1	22.50	1.5	24.00
1197	Đỗ Kiều	Nga	HDT017325	1	23.50	0.5	24.00
1198	Nguyễn Thị Lan	Anh	THV000460	1	22.50	1.5	24.00
1199	Tần San	Mấy	THV008633	1	20.50	3.5	24.00
1200	Lò Thị Thu	Hằng	TTB002026	1	20.50	3.5	24.00
1201	Hoàng Thị	Quỳnh	HDT021007	1	20.50	3.5	24.00
1202	Trần Hồng	Hạnh	HDT007612	1	23.50	0.5	24.00
1203	Hoàng Thị	Dung	HDT003801	1	23.00	1.0	24.00
1204	Pờ Chùy	Pứ	TTB005001	1	20.50	3.5	24.00
1205	Nguyễn Thị	Hằng	YTB007012	1	23.50	0.5	24.00
1206	Dương Thùy	Trang	TTB006727	1	22.50	1.5	24.00
1207	Hoàng Thị Hải	Yến	TTB007675	1	20.50	3.5	24.00
1208	Ngô Thị	Hà	HDT006762	1	22.50	1.5	24.00
1209	Hoàng Trang	Nhật	DCN008313	1	23.50	0.5	24.00
1210	Mã Thị Hương	Lan	TND013292	1	20.50	3.5	24.00
1211	Hoàng Thị Trà	Giang	TDV007188	1	22.00	2.0	24.00
1212	Phạm Thị	Lý	HDT015892	1	22.50	1.5	24.00
1213	Nguyễn Thị	Trang	HDT026981	1	23.00	1.0	24.00
1214	Vừ Lao	Vàng	TTB007401	1	20.50	3.5	24.00
1215	Vàng Thị	Dếnh	TTB001001	1	20.50	3.5	24.00
1216	Trần Thị Phương	Thảo	THV012357	1	22.50	1.5	24.00
1217	Phạm Hoàng Hải	Nam	THV009038	1	20.50	3.5	24.00
1218	Nguyễn Thị	Thơm	TND024255	1	22.50	1.5	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1219	Vàng Thị	Cao	THV001139	1	20.50	3.5	24.00
1220	Hà Thị	Duyên	TND004294	1	20.50	3.5	24.00
1221	Vũ Thị	Mây	TND016358	1	22.50	1.5	24.00
1222	Dương Thị	Hoa	TND008668	1	22.50	1.5	24.00
1223	Lò Văn	Thủy	TTB006374	1	20.50	3.5	24.00
1224	Hà Diệu	Hằng	TTB002003	1	20.50	3.5	24.00
1225	Nông Thị Như	Quỳnh	THV011161	1	20.50	3.5	24.00
1226	Phạm Thị	Thu	THV012854	1	22.50	1.5	24.00
1227	Phạm Thị	Thảo	THV012317	1	22.50	1.5	24.00
1228	Dương Thị	Thu	TQU005343	1	20.50	3.5	24.00
1229	Lý Thị	Niệm	TND019129	1	20.50	3.5	24.00
1230	Lương Thị	Thủy	TQU005461	1	20.50	3.5	24.00
1231	Trần Thị Hải	Yến	SPH019900	1	22.50	1.5	24.00
1232	Hoàng Hồng	Thoa	TND024081	1	20.50	3.5	24.00
1233	Nguyễn Ngọc	ánh	DCN000815	1	20.50	3.5	24.00
1234	Trần Thị Hồng	Nhung	NLS008795	1	22.50	1.5	24.00
1235	Đào Thị Thanh	Huyền	THP006449	1	23.50	0.5	24.00
1236	Nùng Thị Thanh	Huyền	THV005903	1	20.50	3.5	24.00
1237	Chu Thị	Thảo	SPH015531	1	23.50	0.5	24.00
1238	Nguyễn Thị	út	TND028795	1	22.50	1.5	24.00
1239	Đỗ Thị Hoàng	Anh	SPH000227	1	23.00	1.0	24.00
1240	Lê Minh	Hiền	TDV009786	2	22.75	1.0	23.75
1241	Hoàng Thị	Xuân	HVN012416	2	22.75	1.0	23.75
1242	Nguyễn Hương	Ly	HHA008804	2	23.25	0.5	23.75
1243	Nguyễn Thị	Minh	THP009563	2	23.25	0.5	23.75
1244	Ngô Thị	Hằng	TND007355	2	22.75	1.0	23.75
1245	Nguyễn Văn	Thông	SPH016229	2	22.25	1.5	23.75
1246	Chu Thị	Hồng	TND009691	2	20.25	3.5	23.75
1247	Lê Đình	Tuấn	HDT028213	2	22.75	1.0	23.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1248	Vũ Thị Tú	Linh	TDV017454	2	22.75	1.0	23.75
1249	Nguyễn Thị	Hường	HDT012479	2	22.25	1.5	23.75
1250	Nguyễn Thị	Mùi	TDV019535	2	22.25	1.5	23.75
1251	Đặng Hồng	Gấm	LNH002301	2	22.25	1.5	23.75
1252	Trần Thị	Tâm	TND022148	2	20.25	3.5	23.75
1253	Dương Thị	Thanh	TND022393	2	22.75	1.0	23.75
1254	Lê Thị	Trang	HDT026601	2	20.25	3.5	23.75
1255	Nguyễn Thị	ánh	LNH000670	2	23.25	0.5	23.75
1256	Hoàng Thị Thu	Hà	THV003469	2	22.25	1.5	23.75
1257	Trần Thị	Yến	TDV037128	2	22.25	1.5	23.75
1258	Nguyễn Ngọc	ánh	THV000805	2	22.25	1.5	23.75
1259	Nguyễn Thị	Trang	LNH009851	2	23.25	0.5	23.75
1260	Hoàng Thị	Mai	TDV018620	2	22.75	1.0	23.75
1261	Nguyễn Thị Hồng	Yến	TDV036990	2	22.25	1.5	23.75
1262	Trần Hữu	Đức	TDV006981	2	23.25	0.5	23.75
1263	Nguyễn Thị	Thúy	KQH013813	2	23.25	0.5	23.75
1264	Nguyễn Thị	Mai	TQU003519	1	22.25	1.5	23.75
1265	Phạm Thị Hồng	ánh	THV000840	1	22.25	1.5	23.75
1266	Nguyễn Bùi Thu	Hiền	KQH004538	1	20.25	3.5	23.75
1267	Nguyễn Ngọc	Lanh	HDT013319	1	22.75	1.0	23.75
1268	Hoàng Thùy	Linh	TND014211	1	20.25	3.5	23.75
1269	Bùi Thị	Mừng	HHA009361	1	22.25	1.5	23.75
1270	Vũ Thị	Tư	YTB024658	1	22.75	1.0	23.75
1271	Nguyễn Thị Kiều	My	THV008833	1	22.25	1.5	23.75
1272	Trương Đình	Tiến	BKA013089	1	23.25	0.5	23.75
1273	Phạm Thị	Dung	HDT004016	1	22.25	1.5	23.75
1274	Nguyễn Thị	Ngọc	THV009537	1	22.25	1.5	23.75
1275	Nguyễn Ngọc	ánh	SPH001785	1	22.25	1.5	23.75
1276	Vũ Thị Minh	Hòa	LNH003555	1	22.25	1.5	23.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1277	Lương Thị	Phương	TDV023878	1	22.75	1.0	23.75
1278	Nguyễn Lan	Anh	KQH000363	1	22.25	1.5	23.75
1279	Nguyễn Thị	Hằng	HDT007935	1	22.25	1.5	23.75
1280	Linh Văn	Phong	TND019536	1	20.25	3.5	23.75
1281	Nông Phan Trung	Đức	TND005650	1	20.25	3.5	23.75
1282	Nguyễn Mỹ	Linh	THV007540	1	23.25	0.5	23.75
1283	Lưu Thị Thu	Hằng	SPH005586	1	22.75	1.0	23.75
1284	Mai Thị	Oanh	HDT019239	1	20.25	3.5	23.75
1285	Nguyễn Thị Bích	Hiền	HVN003399	1	23.25	0.5	23.75
1286	Đặng Thị Hồng	Hiệp	THV004434	1	22.25	1.5	23.75
1287	Nguyễn Thanh	Nhàn	TQU004033	1	22.25	1.5	23.75
1288	Ma Việt	Hoàng	TND009457	1	20.25	3.5	23.75
1289	Lò Văn	Chưởng	TTB000807	1	20.25	3.5	23.75
1290	Trần Thị Thu	Uyên	KHA011455	1	22.75	1.0	23.75
1291	Nguyễn Thị	Nguyệt	TDV021707	1	22.25	1.5	23.75
1292	Đồng Thị	Hà	TQU001392	1	20.25	3.5	23.75
1293	Hoàng Văn	Kiệm	TTB003199	1	20.25	3.5	23.75
1294	Trương Thị	Nhung	TND019052	1	22.25	1.5	23.75
1295	Trần Thị Lan	Vy	HDT030120	1	22.25	1.5	23.75
1296	Nông Thị	Thơm	TND024271	1	20.25	3.5	23.75
1297	Dương Thị	Sâm	HDT021448	1	22.75	1.0	23.75
1298	Lê Thị	Thắm	TND023438	1	20.25	3.5	23.75
1299	Nguyễn Hữu	Phước	KHA007875	1	22.75	1.0	23.75
1300	Hoàng Hải	Yến	THV015567	1	20.25	3.5	23.75
1301	Quàng Văn	Kẻo	TTB003029	1	20.25	3.5	23.75
1302	Triệu Thị	Tấn	TND022238	1	20.25	3.5	23.75
1303	Đỗ Văn	Thiện	SPH016094	1	23.25	0.5	23.75
1304	Trần Ngọc	ánh	THV000852	2	22.00	1.5	23.50
1305	Trần Đức	Dũng	HDT004396	2	22.50	1.0	23.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1306	Vũ Thị Thanh	Hiền	THV004398	2	22.00	1.5	23.50
1307	Nguyễn Thị	Huyền	HDT011511	2	22.00	1.5	23.50
1308	Hoàng Thị	Gió	TQU001378	2	20.00	3.5	23.50
1309	Nguyễn Thị Lan	Anh	HDT001069	2	22.50	1.0	23.50
1310	Phạm Thùy	Linh	TQU003243	2	21.00	2.5	23.50
1311	Vì Phương	Thảo	TDV028494	2	20.00	3.5	23.50
1312	Ngô Thị Ngọc	Anh	HDT000885	2	22.00	1.5	23.50
1313	Triệu Văn	Cao	TND002019	2	20.00	3.5	23.50
1314	Lưu Thị Minh	Châu	THV001217	2	22.00	1.5	23.50
1315	Quàng Thị	Phượng	TTB004924	2	20.00	3.5	23.50
1316	Nguyễn Thu	Huyền	SPH007942	2	22.50	1.0	23.50
1317	Nông Văn	Quân	TND020573	2	20.00	3.5	23.50
1318	Nguyễn Thị	Ngọc	HHA010156	2	23.00	0.5	23.50
1319	Nguyễn Thị	Thoan	TDV029460	2	22.50	1.0	23.50
1320	Hà Thị Thu	Trang	THV013695	2	20.00	3.5	23.50
1321	Nguyễn Thị	Trâm	YTB023250	2	22.50	1.0	23.50
1322	Nguyễn Thị	Hồng	SPH007020	2	22.50	1.0	23.50
1323	Bùi Thị	Thùy	HDT024756	2	22.50	1.0	23.50
1324	Tô Thị	Hường	TND012241	2	20.00	3.5	23.50
1325	Nguyễn Thanh	Bình	TTB000419	2	22.00	1.5	23.50
1326	Nguyễn Thị	Hồng	HDT010153	2	22.50	1.0	23.50
1327	Sùng A	Vảng	TTB007405	1	20.00	3.5	23.50
1328	Chu Thị Bích	Loan	TND014918	1	20.00	3.5	23.50
1329	Sông A	Quả	TTB005002	1	20.00	3.5	23.50
1330	Hoàng Thị	Tú	TND027468	1	20.00	3.5	23.50
1331	Đàm Thị Thanh	Duyên	TND004283	1	20.00	3.5	23.50
1332	Quàng Thị	Hỏa	TTB002400	1	20.00	3.5	23.50
1333	Bế Thị	Huyền	TND010967	1	20.00	3.5	23.50
1334	Vũ Thị Thùy	Linh	YTB013198	1	22.50	1.0	23.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1335	Đặng Mai	Huyền	HHA006245	1	23.00	0.5	23.50
1336	Đỗ Thị	Hồng	YTB008940	1	22.50	1.0	23.50
1337	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	DCN012825	1	22.00	1.5	23.50
1338	Quàng Thị	Tiến	TTB006589	1	20.00	3.5	23.50
1339	Trần Lê	Tĩnh	TTB006645	1	22.00	1.5	23.50
1340	Phạm Minh	Phương	TQU004362	1	22.00	1.5	23.50
1341	Lê Thị	Hòa	HDT009438	1	22.00	1.5	23.50
1342	Phạm Quỳnh	Diệp	YTB003224	1	22.50	1.0	23.50
1343	Lê Thị	Tâm	SPH015067	1	22.00	1.5	23.50
1344	Đặng Thị	Trang	HDT026302	1	22.00	1.5	23.50
1345	Sĩ Thị Thanh	Thúy	HVN010450	1	22.50	1.0	23.50
1346	Bùi Anh	Tuấn	LNH010243	1	20.00	3.5	23.50
1347	Trần Hương	Ly	SPH010876	1	23.50		23.50
1348	Bùi Khánh	Huyền	TTB002776	1	22.00	1.5	23.50
1349	Nguyễn Thị	Hiền	TDV009941	1	23.00	0.5	23.50
1350	Hoàng Thị	Huế	TND010051	1	20.00	3.5	23.50
1351	Vũ Mạnh	Hùng	TQU002324	1	22.00	1.5	23.50
1352	Nguyễn Quang	Duẩn	KHA001631	1	22.50	1.0	23.50
1353	Ma Thị	Thảo	TQU005070	1	20.00	3.5	23.50
1354	Thào A	Sam	TTB005250	1	20.00	3.5	23.50
1355	Nguyễn Thị Lan	Chi	TND002281	1	20.00	3.5	23.50
1356	Hà Thị	Huynh	TQU002531	1	20.00	3.5	23.50
1357	Dương Thị	Liễu	TND013923	1	20.00	3.5	23.50
1358	Đinh Thị Thu	Huyền	TQU002401	1	22.00	1.5	23.50
1359	Phạm Thị	Tuyết	BKA014658	1	22.50	1.0	23.50
1360	Đinh Thị	Vũ	TTB007537	1	20.00	3.5	23.50
1361	Hoàng Thị	Hồng	HDT010055	1	22.50	1.0	23.50
1362	Hoàng Thị	Xuân	TND029773	1	20.00	3.5	23.50
1363	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	DHU021233	2	22.75	0.5	23.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1364	Hồ Thị	Hiền	HDT008370	2	21.75	1.5	23.25
1365	Mai Thị Thủy	Tiên	DND024539	2	22.25	1.0	23.25
1366	Nguyễn Tuấn	Anh	LNH000478	2	19.75	3.5	23.25
1367	Triệu Thị	Chuyên	TND002746	2	19.75	3.5	23.25
1368	Hoàng Thị	Mến	THV008642	2	21.75	1.5	23.25
1369	Nguyễn Hồng	Sơn	TDV026249	2	21.75	1.5	23.25
1370	Phàn Mùi	Mấy	TQU003577	2	19.75	3.5	23.25
1371	Cao Thị	Thơm	THP013977	2	22.25	1.0	23.25
1372	Trần Thị	Nga	THP010043	2	22.25	1.0	23.25
1373	Nguyễn Thu	Hà	THP003884	2	22.25	1.0	23.25
1374	Lê Thị	Khánh	HDT012671	2	22.25	1.0	23.25
1375	Quách Thị	Châm	LNH000911	2	19.75	3.5	23.25
1376	Nguyễn Thị Thùy	Trang	THP015230	2	22.75	0.5	23.25
1377	Nguyễn Thị	ánh	TDV001787	2	21.75	1.5	23.25
1378	Nguyễn Thị	Lan	TQU002928	2	21.75	1.5	23.25
1379	Hoàng Hồng	Hạnh	KQH003939	2	19.75	3.5	23.25
1380	Hồ A	Lênh	THV007142	2	19.75	3.5	23.25
1381	Nguyễn Thị	Hợp	TDV012355	2	21.75	1.5	23.25
1382	Trần Thị	Hoa	TDV010974	2	22.25	1.0	23.25
1383	Đỗ Trung	Hiếu	YTB007859	2	22.25	1.0	23.25
1384	Lục Thị ánh	Đào	HDT005131	2	19.75	3.5	23.25
1385	Nguyễn Hải	Nam	HHA009549	2	22.25	1.0	23.25
1386	Lò Thị	Thánh	TTB005812	2	19.75	3.5	23.25
1387	Vũ Đình	Trường	THV014322	2	21.75	1.5	23.25
1388	Mã Thị Hoài	Anh	TND000544	1	19.75	3.5	23.25
1389	Trần Thị	Nhàn	SPH012889	1	21.75	1.5	23.25
1390	Hoàng Thị	Trang	TND026192	1	19.75	3.5	23.25
1391	Phan Thị	Hằng	DCN003503	1	22.75	0.5	23.25
1392	Phạm Thị Tường	Loan	TND015035	1	21.75	1.5	23.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1393	Nguyễn Thanh	Hoa	LNH003452	1	22.75	0.5	23.25
1394	Hà Thị Linh	Chi	HDT002506	1	22.25	1.0	23.25
1395	Phạm Thị	Lam	HDT013083	1	21.75	1.5	23.25
1396	Nguyễn Văn	Huỳnh	THP006769	1	22.25	1.0	23.25
1397	Ma Xuân	Thành	TQU004988	1	19.75	3.5	23.25
1398	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	HDT014558	1	22.75	0.5	23.25
1399	Đào Thị	Bích	HDT002076	1	22.25	1.0	23.25
1400	Lê Thị Nhật	Lệ	TTB003409	1	21.75	1.5	23.25
1401	Vũ Minh	Tú	TND027617	1	21.75	1.5	23.25
1402	Ngô Thị Thu	Thảo	KQH012602	1	22.75	0.5	23.25
1403	Đỗ Thị	Hằng	THV003987	1	21.75	1.5	23.25
1404	Trần Quang	Huy	TQU002382	1	21.75	1.5	23.25
1405	Trần Quốc	Huân	TQU002169	1	19.75	3.5	23.25
1406	Chêo Mỹ	Lai	THV006844	1	19.75	3.5	23.25
1407	Lê Thị Lệ	Quyến	TND020902	1	21.75	1.5	23.25
1408	Đặng Thị	Lan	HDT013138	1	22.25	1.0	23.25
1409	Vũ Thị Huyền	Trang	TLA014338	1	22.25	1.0	23.25
1410	Lê Thị Thúy	Hồng	TLA005703	1	22.25	1.0	23.25
1411	Hà Thị Diệu	Mai	TND015908	1	19.75	3.5	23.25
1412	Ngô Phương	Đông	YTB005139	1	22.25	1.0	23.25
1413	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	THP000588	1	22.25	1.0	23.25
1414	Quách Văn	Long	TQU003359	1	19.75	3.5	23.25
1415	Đào Thị Phương	Thảo	THV012115	1	21.75	1.5	23.25
1416	Nguyễn Thị	Hiền	THV004312	1	21.75	1.5	23.25
1417	Hoàng Thị Nhật	Lệ	THP007990	1	22.25	1.0	23.25
1418	Vũ Thị	Vân	SPH019334	1	22.25	1.0	23.25
1419	Phạm Thị Minh	Loan	TND015033	1	21.75	1.5	23.25
1420	Phan Thị	Tĩnh	TND025687	1	19.75	3.5	23.25
1421	Vì Văn	Son	THV011363	1	19.75	3.5	23.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1422	Giàng A	Dơ	THV001993	1	19.75	3.5	23.25
1423	Phạm Thị	Trang	THV013962	3	21.50	1.5	23.00
1424	Liều Thanh	Huyền	TND011126	2	19.50	3.5	23.00
1425	Đào Hải	Quỳnh	DCN009409	2	21.50	1.5	23.00
1426	Tạ Thị	Huyền	BKA006109	2	22.00	1.0	23.00
1427	Hồ Sỹ	Vượng	TDV036515	2	22.00	1.0	23.00
1428	Lò Thị	Chung	TTB000738	2	19.50	3.5	23.00
1429	Hồ Thị	Yến	TDV036873	2	22.00	1.0	23.00
1430	Nông Thị Mĩ	Lan	TND013373	2	19.50	3.5	23.00
1431	Nguyễn Thị	Thanh	THV011888	2	21.50	1.5	23.00
1432	Nguyễn Thị Thu	Hoài	TND009167	2	20.50	2.5	23.00
1433	Phan Diệu	Anh	TTB000226	2	21.50	1.5	23.00
1434	Lý Thị Mỹ	Lệ	TND013703	2	19.50	3.5	23.00
1435	Vi Thị	Phượng	TND020125	2	19.50	3.5	23.00
1436	Hoàng Thị	Thủy	TND024798	2	19.50	3.5	23.00
1437	Đỗ Thị	Linh	HDT013827	2	21.50	1.5	23.00
1438	Trần Anh	Nhất	YTB016199	2	22.00	1.0	23.00
1439	Trần Thương	Thương	THV013317	2	19.50	3.5	23.00
1440	Bạc Thị	Hằng	TTB001986	2	19.50	3.5	23.00
1441	Đào Thị	Thu	HVN010083	2	22.00	1.0	23.00
1442	Đỗ Lan	Phượng	TQU004294	1	21.50	1.5	23.00
1443	Đặng Văn	Anh	TND000277	1	21.50	1.5	23.00
1444	Nguyễn Thị	Hợp	KQH005615	1	22.50	0.5	23.00
1445	Trần Thị	Dịu	TLA002418	1	22.00	1.0	23.00
1446	Nguyễn Minh	Chuyên	THV001555	1	21.50	1.5	23.00
1447	Bùi Thùy	Ninh	HHA010694	1	22.50	0.5	23.00
1448	Nguyễn Thị Linh	Trang	THP015178	1	22.50	0.5	23.00
1449	Bùi Văn	Bằng	HDT002039	1	19.50	3.5	23.00
1450	Phùng Thị	Tuyết	TND028663	1	19.50	3.5	23.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1451	Đinh Thị	Vương	DCN013278	1	19.50	3.5	23.00
1452	Vũ Thị	Thu	TDV029960	1	22.00	1.0	23.00
1453	Nguyễn Thị	Xuân	DCN013330	1	19.50	3.5	23.00
1454	Nguyễn Thị Thu	Huyền	TLA006382	1	22.00	1.0	23.00
1455	Trịnh Thị	Hoa	TND008866	1	19.50	3.5	23.00
1456	Lê Thị	Nhị	HDT018604	1	22.00	1.0	23.00
1457	Bùi Thị Thanh	Thơm	TLA013102	1	22.00	1.0	23.00
1458	Nguyễn Phương	Thảo	TLA012554	1	21.50	1.5	23.00
1459	Nguyễn Thị	Thanh	YTB019327	1	22.00	1.0	23.00
1460	Nguyễn Thị Minh	Dung	SPH003077	1	22.00	1.0	23.00
1461	Lành Thúy	Ngân	TND017559	1	19.50	3.5	23.00
1462	Vi Thị Bích	Vân	TND029201	1	19.50	3.5	23.00
1463	Lường Thị	Dương	TTB001351	1	19.50	3.5	23.00
1464	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	TTB005207	1	21.50	1.5	23.00
1465	Hoàng Thanh	Hằng	THV004023	1	21.50	1.5	23.00
1466	Mê Thị Thu	Hạnh	TTB001932	1	19.50	3.5	23.00
1467	Nông Thùy	Linh	TND014648	1	19.50	3.5	23.00
1468	Hoàng Thị	Trang	TDV032273	1	21.50	1.5	23.00
1469	Vũ Thị	Chinh	HDT002787	1	21.50	1.5	23.00
1470	Vũ Thị Hiền	Hòa	YTB008467	1	22.00	1.0	23.00
1471	Lầu A	Hồng	TTB002567	1	19.50	3.5	23.00
1472	Vũ Thị	Lý	HDT015908	1	22.00	1.0	23.00
1473	Nguyễn Lê Kiều	My	TDV019581	1	22.50	0.5	23.00
1474	Nguyễn Tuấn	Thành	TND022677	1	19.50	3.5	23.00
1475	Cà Thị	Oanh	TTB004675	1	19.50	3.5	23.00
1476	La Phương	Thắm	TND023432	2	19.25	3.5	22.75
1477	Phùng Thị Mỹ	Linh	THV007723	2	21.25	1.5	22.75
1478	Nông Thị Hồng	Thắm	TND023461	2	19.25	3.5	22.75
1479	Phạm Thị Thu	Trang	YTB023039	2	21.75	1.0	22.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1480	Phạm Văn	Long	YTB013481	2	21.75	1.0	22.75
1481	Phạm Hoàng	Lộc	DCN006859	2	21.75	1.0	22.75
1482	Triệu Văn	Kiểm	TTN008874	2	19.25	3.5	22.75
1483	Nguyễn Thanh	Tuấn	TND027906	2	19.25	3.5	22.75
1484	Trần Thị	Hậu	SPH005825	2	19.25	3.5	22.75
1485	Bùi Thị	Hà	HDT006522	2	19.25	3.5	22.75
1486	Bùi Thị	Quỳnh	HDT020940	2	21.75	1.0	22.75
1487	Lù Ti	Hình	THV004692	2	19.25	3.5	22.75
1488	Hà Kiều	Ly	THV008266	2	19.25	3.5	22.75
1489	Phan Ngọc	Tiến	SPH017047	1	22.75		22.75
1490	Trần Thị Phương	Thúy	TDV030753	1	22.25	0.5	22.75
1491	Nguyễn Bá	Huỳnh	TND011482	1	19.25	3.5	22.75
1492	Trương Thị Thùy	Linh	TQU003285	1	21.25	1.5	22.75
1493	Lê Văn	Anh	LNH000286	1	19.25	3.5	22.75
1494	Nguyễn Thị	Diễm	HHA002024	1	21.25	1.5	22.75
1495	Phạm Thị Thanh	Xuân	YTB025550	1	21.75	1.0	22.75
1496	Hoàng Văn	Huy	HDT010997	1	20.25	2.5	22.75
1497	Nông Đức	Hoàng	TQU002085	1	19.25	3.5	22.75
1498	Doãn Thị Lâm	Phượng	TDV023739	1	21.25	1.5	22.75
1499	Nguyễn Thị Bích	Phượng	THV010635	1	21.25	1.5	22.75
1500	Tấn Xoang	Lồng	THV008077	1	19.25	3.5	22.75
1501	Nguyễn Thị	Linh	TND014493	1	19.25	3.5	22.75
1502	Ngôn Nguyệt	ánh	TND001341	1	19.25	3.5	22.75
1503	Nguyễn Thị	Loan	TQU003318	1	19.25	3.5	22.75
1504	Lê Thị Minh	Hiếu	SPH006258	1	21.25	1.5	22.75
1505	Trần Văn	Tuấn	TND028031	1	19.25	3.5	22.75
1506	Nguyễn Đức	Dung	THV002071	1	22.25	0.5	22.75
1507	Quách Thị	Oanh	TLA010689	1	22.25	0.5	22.75
1508	Trần Thị Thùy	Dương	HDT004993	1	21.75	1.0	22.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1509	Phạm Thị	Hòa	HDT009495	1	21.25	1.5	22.75
1510	Lê Thị	Bích	THP001260	1	22.25	0.5	22.75
1511	Phạm Như	Quỳnh	YTB018403	1	22.25	0.5	22.75
1512	Hoàng Văn	Sang	TND021309	1	19.25	3.5	22.75
1513	Nguyễn Thị	ánh	TQU000284	1	21.25	1.5	22.75
1514	Chu Thị	Phượng	TND020152	1	21.75	1.0	22.75
1515	Lê Thị	Long	HDT015242	1	21.75	1.0	22.75
1516	Chu Thị Lan	Hương	TND011680	1	21.25	1.5	22.75
1517	Hoàng Thị Diệu	Linh	TDV016447	1	21.75	1.0	22.75
1518	Đinh Thị Kim	Xuyến	TND029851	1	19.25	3.5	22.75
1519	Hoàng Văn	Nhật	YTB016209	1	21.75	1.0	22.75
1520	Nguyễn Thị	Chang	TTB000488	1	21.25	1.5	22.75
1521	Lầu Thị	Bình	TND001846	2	19.00	3.5	22.50
1522	Nguyễn Thị	Lan	TQU002930	2	21.00	1.5	22.50
1523	Phạm Thị	Lan	HVN005564	2	21.50	1.0	22.50
1524	Hoàng Thu	Lệ	TND013684	2	19.00	3.5	22.50
1525	Hoàng Thị	Ước	HDT029397	2	21.00	1.5	22.50
1526	Nguyễn Thanh	Hằng	TLA004637	2	22.00	0.5	22.50
1527	Sùng A	Ná	TTB004102	2	19.00	3.5	22.50
1528	Đỗ Thị	Huyền	THP006441	2	21.50	1.0	22.50
1529	Chu Lệ	Giang	TND005774	1	19.00	3.5	22.50
1530	Tô Thị Quỳnh	Anh	HHA000885	1	22.00	0.5	22.50
1531	Nguyễn Thu	Hà	SPH004954	1	21.50	1.0	22.50
1532	Phan Kim	Hoàn	THV004952	1	21.00	1.5	22.50
1533	Nguyễn Thị	Tâm	TQU004873	1	21.00	1.5	22.50
1534	Nông Thị Bích	Thảo	TND023242	1	19.00	3.5	22.50
1535	Vũ Thị	Thu	BKA012568	1	21.50	1.0	22.50
1536	Nông Thị Hải	Yến	TND030108	1	19.00	3.5	22.50
1537	Triệu Thị	Ngoan	TND017832	1	19.00	3.5	22.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1538	Lê Thị	Hoài	YTB008498	1	21.50	1.0	22.50
1539	Trịnh Thị	Hà	HDT007011	1	21.00	1.5	22.50
1540	Lương Thị	Phường	TND020146	1	19.00	3.5	22.50
1541	Nguyễn Mai	Phương	TQU004341	1	21.00	1.5	22.50
1542	Nông Cao	Định	TTN003809	1	19.00	3.5	22.50
1543	Lò Thị Mỹ	Uyên	TTB007358	1	19.00	3.5	22.50
1544	Giàng Thị	Che	TTB000535	1	19.00	3.5	22.50
1545	Vương Thị	Lan	TQU002948	1	19.00	3.5	22.50
1546	Phạm Thị Tâm	Trang	HDT027044	2	21.75	0.5	22.25
1547	Trần Thị Như	Quỳnh	TDV025653	2	21.25	1.0	22.25
1548	Trịnh Hà	Mi	HDT016427	2	21.25	1.0	22.25
1549	Hà Hồng	Hiệp	HDT008729	2	18.75	3.5	22.25
1550	Vũ Thị Thu	Hương	TTN008375	1	20.75	1.5	22.25
1551	Trương Thị	Xinh	HDT030143	1	18.75	3.5	22.25
1552	Hoàng Thị	Lưỡng	TQU003434	1	18.75	3.5	22.25
1553	Sùng Seo	Vảng	THV015071	1	18.75	3.5	22.25
1554	Triệu Đức	Hương	TND012030	1	18.75	3.5	22.25
1555	Dương Thị	Bình	TDV002454	1	20.75	1.5	22.25
1556	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	YTB010119	1	21.25	1.0	22.25
1557	Vũ Thị	Phường	TND020139	1	20.75	1.5	22.25
1558	Triệu Thị Thu	Trang	TND026717	1	18.75	3.5	22.25
1559	Nguyễn Thiện	Trường	SPH018247	1	21.75	0.5	22.25
1560	Khổng Thị	Thơ	SPH016235	1	21.25	1.0	22.25
1561	Nguyễn Linh	Lộc	TND015222	1	20.75	1.5	22.25
1562	Đinh Thị Nhật	Lệ	KHA005420	1	21.25	1.0	22.25
1563	Nguyễn Thị	Nga	TDV020522	1	21.25	1.0	22.25
1564	Hoàng Thị	Nụ	YTB016677	1	21.25	1.0	22.25
1565	Nông Thị	Huyền	TQU002400	1	18.75	3.5	22.25
1566	Nguyễn Anh	Tiến	TND025564	1	20.75	1.5	22.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1567	Nông Thảo	Lam	TND013196	1	18.75	3.5	22.25
1568	Trương Thị	Vân	TLA015511	1	21.25	1.0	22.25
1569	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	HHA010122	1	20.75	1.5	22.25
1570	Đỗ Thị Thu	Hà	KHA002730	1	22.25		22.25
1571	Nguyễn Thị	Trang	TDV032806	1	21.75	0.5	22.25
1572	Phàn A	ỏn	THV010150	1	18.75	3.5	22.25
1573	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	LNH003170	1	21.75	0.5	22.25
1574	Dào Thu	Hương	TND011684	1	18.75	3.5	22.25
1575	Triệu Thị	Oanh	HDT019308	1	18.75	3.5	22.25
1576	Bùi Thị	Lụa	LNH005706	1	18.75	3.5	22.25
1577	Giàng Thị	Mây	TTB003961	1	18.75	3.5	22.25
1578	Hồ Thị	Phượng	TDV024242	1	21.25	1.0	22.25
1579	Nguyễn Văn	Phong	TND019563	2	20.50	1.5	22.00
1580	Nguyễn Thị	Ngân	YTB015395	2	21.00	1.0	22.00
1581	Lê Hồng	Sơn	KQH011840	2	21.50	0.5	22.00
1582	Đinh Thị	Hương	TND011720	2	20.50	1.5	22.00
1583	Lưu Thị	Thoa	TND024098	2	18.50	3.5	22.00
1584	Đặng Hiền	Lương	KHA006255	1	21.00	1.0	22.00
1585	Đoàn Thị Minh	Phượng	YTB017207	1	21.50	0.5	22.00
1586	Trương Phương	Nam	TND017216	1	18.50	3.5	22.00
1587	Hà Thị	Hằng	THV004010	1	20.50	1.5	22.00
1588	Phan Thành	Nghệ	KQH009725	1	21.50	0.5	22.00
1589	Vũ Thị Anh	Đào	DCN002239	1	21.00	1.0	22.00
1590	Lê Việt	Hoàng	TLA005555	1	22.00		22.00
1591	Lê Thị Kiều	Oanh	HDT019209	1	18.50	3.5	22.00
1592	Lê Thị Thuỳ	Linh	KQH007818	1	21.50	0.5	22.00
1593	Hà Thị	Trà	TND025944	1	18.50	3.5	22.00
1594	Bùi Ngọc	Huyền	LNH004127	1	18.50	3.5	22.00
1595	Bùi Phương	Yên	HDT030273	1	18.50	3.5	22.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1596	Lê Thị Trà	Mi	HDT016421	1	20.50	1.5	22.00
1597	Phạm Thị	Linh	TDV017172	1	21.00	1.0	22.00
1598	Trần Thị Thảo	Nguyên	TND018282	1	20.50	1.5	22.00
1599	Hoàng Thị	Thiệp	TND023910	1	18.50	3.5	22.00
1600	Hà Duy	Khánh	LNH004763	1	18.50	3.5	22.00
1601	Dương Thị Tuyết	Chinh	LNH001066	1	20.50	1.5	22.00
1602	Nguyễn Đức	Doanh	TND003591	1	18.50	3.5	22.00
1603	Lương Minh	Phụng	HDT019590	1	18.50	3.5	22.00
1604	Lường Thị	Xuân	TTB007629	1	18.50	3.5	22.00
1605	Lê Thị Mỹ	Linh	TLA007817	1	21.00	1.0	22.00
1606	Diệp Thành	Hạnh	TND006863	1	18.50	3.5	22.00
1607	Nguyễn Văn	Biên	HVN000954	1	21.00	1.0	22.00
1608	Nguyễn Diệu	Linh	SPH009707	1	22.00		22.00
1609	Ma Hải	Giang	TND005870	1	18.50	3.5	22.00
1610	Nguyễn Thị Kiều	Trang	TTB006792	1	20.50	1.5	22.00
1611	Hoàng Thị	Oanh	TND019306	1	20.50	1.5	22.00
1612	Hà Thị	Nhiên	TQU004074	2	20.25	1.5	21.75
1613	Trần Thị Hồng	Chinh	DCN001295	1	19.25	2.5	21.75
1614	Lê Thu	Thủy	THV013026	1	20.25	1.5	21.75
1615	Phạm Việt	Khởi	THP007553	1	21.25	0.5	21.75
1616	Nguyễn Thị	Thảo	THP013415	1	20.75	1.0	21.75
1617	Đào Thị Phương	Anh	THP000204	1	21.25	0.5	21.75
1618	Lô Kiều	Ngân	TND017565	1	18.25	3.5	21.75
1619	Lìm Thị	Luyến	THV008152	1	18.25	3.5	21.75
1620	Từ Thị	Tuyến	TND028583	1	18.25	3.5	21.75
1621	Nguyễn Công	Quý	THP012121	1	20.75	1.0	21.75
1622	Phan Thị	Phương	TND020040	1	20.25	1.5	21.75
1623	Ngô Văn	Thuận	TND024534	1	18.25	3.5	21.75
1624	Nguyễn Thanh	Tâm	TND022112	1	18.25	3.5	21.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1625	Trần Thị	Luyến	TQU003413	1	18.25	3.5	21.75
1626	Đặng Mùi	Mui	TND016739	1	18.25	3.5	21.75
1627	Mào Thị	Duyên	TTB001293	2	18.00	3.5	21.50
1628	Trần Thị	Mơ	KQH009174	2	21.00	0.5	21.50
1629	Đào Bích	Ngọc	THV009420	2	18.00	3.5	21.50
1630	Lê Thị	Trang	TLA013996	2	20.50	1.0	21.50
1631	Nguyễn Thị	Lan	TDV015628	2	20.00	1.5	21.50
1632	Nguyễn Thị Hồng	Nga	TND017359	2	18.00	3.5	21.50
1633	Nguyễn Thị	Tuyết	HDT029103	1	18.00	3.5	21.50
1634	Trịnh Thị Vân	Anh	HDT001630	1	20.00	1.5	21.50
1635	Triệu Thị	Huyền	TQU002506	1	18.00	3.5	21.50
1636	Chu Thị	Nhung	TND018767	1	18.00	3.5	21.50
1637	Nguyễn Thị	Hường	KQH006891	1	21.00	0.5	21.50
1638	Đào Hồng	Oanh	TND019265	1	18.00	3.5	21.50
1639	Khoàng Thị	Tuyết	TTB007298	1	18.00	3.5	21.50
1640	Vàng Thị	Chăm	THV001185	1	18.00	3.5	21.50
1641	Nguyễn Văn	Đạt	THP003039	1	20.50	1.0	21.50
1642	Đỗ Minh	Sỹ	TQU004831	1	18.00	3.5	21.50
1643	Ngô Văn	Tĩnh	THV013504	1	18.00	3.5	21.50
1644	Nguyễn Mỹ	Hạnh	KHA003083	1	20.50	1.0	21.50
1645	Nguyễn Thị	Phượng	YTB017612	1	20.50	1.0	21.50
1646	Trần Quốc	Khoa	TDV015108	1	20.00	1.5	21.50
1647	Hoàng Phương	Bắc	TTB000353	1	18.00	3.5	21.50
1648	Phạm Thị	Diện	HDT003593	1	20.50	1.0	21.50
1649	Triệu Thị Thu	Hà	TQU001448	1	20.00	1.5	21.50
1650	Nguyễn Đình	Chiều	TTB000609	1	20.00	1.5	21.50
1651	Đình Kiều	Anh	TND000234	2	17.75	3.5	21.25
1652	Bế Ngọc	Hải	TND006560	2	17.75	3.5	21.25
1653	Đỗ Thủy	Dương	HDT004765	2	19.75	1.5	21.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1654	Tòng Thị	Thanh	TTB005701	2	17.75	3.5	21.25
1655	Vũ Văn	Tĩnh	HHA014243	2	20.75	0.5	21.25
1656	Lê Mạnh	Cường	SPH002799	1	21.25		21.25
1657	Phan Thị Thanh	Nhàn	TDV021838	1	20.75	0.5	21.25
1658	Nguyễn Đức	Hảo	DCN003306	1	20.75	0.5	21.25
1659	Vì Thị	Thao	TND022768	1	17.75	3.5	21.25
1660	Nông Thị	Nhung	TND018993	1	17.75	3.5	21.25
1661	Nguyễn Văn	Khởi	TND012782	1	19.75	1.5	21.25
1662	Hà Kiều	Ngân	TND017539	1	17.75	3.5	21.25
1663	Nguyễn Thị	Mai	LNH005950	1	20.75	0.5	21.25
1664	Lê Văn	Đức	HDT005906	1	20.25	1.0	21.25
1665	Trần Thị	Huyền	HDT011658	1	20.25	1.0	21.25
1666	Phạm Anh	Tuấn	TND027979	1	20.25	1.0	21.25
1667	Vũ Thị	Thanh	THP013104	1	20.75	0.5	21.25
1668	Giàng A	Cu	TTB000851	1	17.50	3.5	21.00
1669	Vàng Seo	Hài	THV003665	1	17.50	3.5	21.00
1670	Hoàng Thị Kim	Uyên	TQU006362	1	17.50	3.5	21.00
1671	Giàng A	Minh	TTB003997	1	17.50	3.5	21.00
1672	Phạm Thị	Bến	HDT002070	1	19.50	1.5	21.00
1673	Hoàng Thị	Hoàn	TND009279	1	17.50	3.5	21.00
1674	Lê Mạnh	Tuấn	THV014537	1	20.00	1.0	21.00
1675	Nông Thị Thu	Trà	TND025976	1	17.50	3.5	21.00
1676	Tô Lan	Hương	THV006312	1	19.50	1.5	21.00
1677	Lê Thị Thu	Thảo	TTB005864	1	19.50	1.5	21.00
1678	Phương Thị	Xanh	TND029725	1	17.50	3.5	21.00
1679	Lò Thị	Thuận	TTB006312	1	17.50	3.5	21.00
1680	Nguyễn Thị	Trang	THP015240	1	20.00	1.0	21.00
1681	Lò Thị	Hoài	TTB002407	1	17.50	3.5	21.00
1682	Vũ Thành	Duy	TND004268	2	19.25	1.5	20.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1683	Trần Đăng	Sỹ	YTB018898	2	19.75	1.0	20.75
1684	Nguyễn Đức	Tú	DCN012387	1	20.25	0.5	20.75
1685	Nguyễn Thị	Thảo	NLS011419	1	19.25	1.5	20.75
1686	Dương Thị	Cúc	TQU000628	1	17.25	3.5	20.75
1687	Lê Thị	Huyền	YTB009944	1	19.75	1.0	20.75
1688	Nguyễn Yến	Nhi	HHA010474	1	20.25	0.5	20.75
1689	Lê Thị	Sơn	HDT021668	1	19.25	1.5	20.75
1690	Hoàng Thúy	Quỳnh	TDV025377	2	19.50	1.0	20.50
1691	Nguyễn Thị Hoa	Mai	THV008419	2	19.00	1.5	20.50
1692	Hà Thị	Linh	TQU003099	1	17.00	3.5	20.50
1693	Trần Thị Bích	Phượng	BKA010628	1	20.00	0.5	20.50
1694	Hoàng Thế	Ngọc	HHA010066	1	20.00	0.5	20.50
1695	Pờ Dền	Phú	THV010276	1	17.00	3.5	20.50
1696	Vi Thị	Hiền	TQU001751	1	19.00	1.5	20.50
1697	Sùng A	Tá	TTB005495	1	17.00	3.5	20.50
1698	Nông Thành	Vinh	THV015293	1	17.00	3.5	20.50
1699	Nguyễn Kiều	Anh	TDV000800	1	19.25	1.0	20.25
1700	Thân Thị Diệu	Linh	TND014731	1	18.75	1.5	20.25
1701	Đinh Thị Hồng	Thanh	HHA012419	1	19.75	0.5	20.25
1702	Hoàng Khánh	Linh	KQH007771	1	19.50	0.5	20.00
1703	Thào A	Tăng	TTB005526	1	16.50	3.5	20.00
1704	Hà Thị	Huyền	TND011064	1	16.50	3.5	20.00
1705	Nguyễn Thị	Nga	TQU003794	1	16.50	3.5	20.00
1706	Nguyễn Thị	Mai	TND016007	1	18.50	1.5	20.00
1707	Giàng Thị	Dinh	THV001961	1	16.50	3.5	20.00
1708	Lục Thị Quỳnh	Ngọc	TND017957	1	16.50	3.5	20.00
1709	Nguyễn Đình	Hải	TND006673	1	16.25	3.5	19.75
1710	Bàn Thị	Dung	TND003637	1	16.25	3.5	19.75
1711	Hoàng Quốc	Việt	YTB025121	1	18.50	1.0	19.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1712	Phan Thanh	Lịch	TND013784	1	16.00	3.5	19.50
1713	Nguyễn Quang	Sơn	TTB005416	1	18.00	1.5	19.50
1714	Nguyễn Ngọc	Cân	KQH001191	1	18.50	1.0	19.50
1715	Hoàng Thị	Mây	TQU003574	1	16.00	3.5	19.50
1716	Triệu Thị	Hạnh	TND007069	1	15.75	3.5	19.25
1717	Nguyễn Văn	Thắng	LNH008759	1	17.75	1.5	19.25
1718	Nguyễn Thị	Sen	DHU019430	1	18.25	1.0	19.25
1719	Vũ Thị	ánh	TND001455	4	17.00	1.5	19.00
1720	Đinh Thị Thu	Thảo	THV012126	1	17.50	1.5	19.00
1721	Bàn Văn	Dũng	TTB001186	1	15.50	3.5	19.00
1722	Vàng Ngọc	Cương	THV001721	1	15.50	3.5	19.00
1723	Bùi Xuân	Thức	TDV030887	1	17.50	1.5	19.00
1724	Mùa A	Cầu	TTB000470	1	15.50	3.5	19.00
1725	Cà Thị	Hoa	TTB002291	1	15.50	3.5	19.00
1726	Lương Thị Thanh	Tuyển	TND028474	1	15.50	3.5	19.00
1727	Nguyễn Thị	Trang	THV013904	1	17.25	1.5	18.75
1728	Lục Thị	Tâm	TND022059	1	15.25	3.5	18.75
1729	Trương Đức	Quý	LNH007630	2	15.00	3.5	18.50
1730	Phạm Thị	Thanh	THP013075	1	18.00	0.5	18.50
1731	Phạm Ngọc	Hoa	TQU001935	1	17.00	1.5	18.50
1732	Lò Minh	Tiến	TTB006573	1	15.00	3.5	18.50
1733	Đỗ Văn	Hiếu	THV004510	1	17.00	1.5	18.50
1734	Sùng A	Chô	THV001465	1	15.00	3.5	18.50
1735	Nguyễn Lâm	Anh	TND000654	1	16.75	1.5	18.25
1736	Vũ Thị	Huyền	YTB010311	1	17.00	1.0	18.00
1737	Trần Thị Minh	Nguyệt	TTN013012	1	16.50	1.5	18.00
1738	Lê Trung	Kiên	THV006740	1	15.50	2.5	18.00
1739	Phạm Thị	Hằng	HHA004422	1	17.25	0.5	17.75
1740	Nguyễn Viết	Tiến	KQH014099	1	17.00	0.5	17.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

Trang 61

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1741	Lã Thị Minh	Ngọc	KHA007209	1	16.75	0.5	17.25
1742	Khổng Thị	Yến	HHA016534	1	16.75	0.5	17.25
1743	Ngô Thế	Quỳnh	SPH014503	1	16.25	0.5	16.75
1744	Lưu Khánh	Huyền	TQU002442	1	15.25	1.5	16.75
1745	Hoàng Thanh	Tài	TTB005499	1	15.00	1.5	16.50
1746	Cao Thị	Hoàn	HDT009682	1	15.00	1.5	16.50
1747	Bùi Thị	Hằng	YTB006871	2	15.00	1.0	16.00
1748	Lê Hồng	Sơn	LNH007926	2	15.00	0.5	15.50
1749	Đinh Thị	Ngọc	HDT017887	1	14.50	1.0	15.50
1750	Hoàng Tiến	Dũng	THV002193	1	11.75	3.5	15.25
1751	Nguyễn Hà	Trang	TTB006777	1	13.50	1.5	15.00
1752	Triệu Trung	Vĩnh	TND029463	1	11.50	3.5	15.00
1753	Lò Văn	Thanh	TTB005679	1	11.50	3.5	15.00

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2015
NGƯỜI LẬP BIỂU